

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN
TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TRIỆU**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hồng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng

Mã SV: 1313401015

Lớp: QTL701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH

Một thành viên Nam Triệu

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, về thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu
- Đánh giá được ưu nhược điểm của tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty Nam Triệu, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các yêu cầu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về kinh doanh của công ty TNHH MTV Nam Triệu năm 2014.
- Số liệu về thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu .

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty TNHH MTV Nam Triệu.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- ❖ Định hướng các nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân
- ❖ Định hướng các hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế hoạch vốn bằng tiền trong doanh nghiệp
- ❖ Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu
- ❖ Định Hướng cách đề xuất một giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên :.....

Học hàm, học vị :.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn;.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 04 năm 2015

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 18 tháng 07 năm 2015

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Hồng

Ths. Trần Thị Thanh Phương

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tế, mạnh dạn đề xuất phương hướng và giải pháp để hoàn thiện đề tài nghiên cứu.
- Có thái độ nghiêm túc, khiêm tốn, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận
- Tuân thủ đúng yêu cầu tiến độ về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài do giáo viên hướng dẫn quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (So với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)

- Về mặt lý luận: tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu theo hiện trạng của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh, có giá trị về mặt lý luận và có tính khả thi trong việc hoàn thiện công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Những giải pháp tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn:

Điểm bằng số:.....

Điểm bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Trần Thị Thanh Phương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền.	2
1.1.1 Khái niệm, phân loại vốn bằng tiền:	2
1.1.2 Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:	2
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.	3
1.1.4 Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền:	3
1.2 Nội dung tổ chức kế toán vốn bằng tiền:	5
1.2.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ:	5
1.2.1.1: Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ:	5
1.2.1.2: Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng:	6
1.2.1.3: Tài khoản sử dụng	6
1.2.1.4: Phương pháp hạch toán tiền mặt:	7
1.2.1.4.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ là Việt Nam đồng.	7
1.2.1.4.2: Kế toán tiền mặt tại quỹ ngoại tệ.	9
1.2.1.4.3: Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, đá quý:	10
1.2.2: Kế toán tiền gửi ngân hàng:	10
1.2.2.1: Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng:	10
1.2.2.2: Chứng từ, sổ sách sử dụng:	11
1.2.2.3: Tài khoản sử dụng:	11
1.2.2.4: Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng:	12
1.2.2.4.1: Kế toán tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng:	12
1.2.2.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ.	14
1.2.3: Tiền đang chuyển	15
1.2.3.1: Nguyên tắc về kế toán tiền đang chuyển:	15
1.2.3.2: Chứng từ sổ sách sử dụng:	15
1.2.3.3: Tài khoản sử dụng;	15
1.2.3.4: Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển:	16
1.3: Các hình thức kế toán :	17
1.3.1: Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:	17
1.3.2: Hình thức kế toán Nhật ký chung:	19
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.	21

1.3.4:Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:.....	23
1.3.5. Hình thức kế toán máy :	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU.....	26
2.1. Quá trình hình thành và phát triển	26
2.1.2 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty	27
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	27
2.1.4 : Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	29
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	29
2.1.4.2 Chế độ, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng.....	30
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV NamTriệu.....	32
2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ.	32
2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng.	62
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU.....	84
3.1 Nhận xét chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu.....	84
3.1.1: Kết quả đạt được:	84
3.1.2 Hạn chế:.....	85
3.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu.	86
3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện:.....	86
3.2.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu.	87
KẾT LUẬN	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Kế toán tiền mặt bằng VND	8
Sơ đồ 1.2 Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ	9
Sơ đồ 1.3 Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền VND.....	13
Sơ đồ 1.4.Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ	14
Sơ đồ 1.5.Kế toán đang chuyển tiền.....	16
Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ:.....	18
Sơ đồ 1.7.Trình tự ghi sổ kế toán theo Nhật ký chung.	20
Sơ đồ 1.8.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký –sổ cái.....	22
Sơ đồ 1.9:Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ	24
Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy :	25
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý và mối quan hệ giữa các bộ phận	28
Sơ đồ 2.2:Tổ chức bộ máy kế toán.....	29
Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.....	31
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty TNHH MTV Nam Triệu: ...	34
Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán tiền gửi ngân hàng:.....	63

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Giấy nộp tiền	36
Biểu 2.2: Phiếu thu	37
Biểu 2.3: Giấy nộp tiền	38
Biểu 2.4: Bảng kê	39
Biểu 2.5: Hóa đơn GTGT	40
Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT	41
Biểu 2.7: Phiếu thu	42
Biểu 2.8: Giấy nộp tiền	43
Biểu 2.9: Hóa đơn GTGT	44
Biểu 2.10: Phiếu thu	45
Biểu 2.11: Giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng:	46
Biểu 2.12: Phiếu chi	47
Biểu 2.13: Giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng:	48
Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT:.....	49
Biểu 2.15: Phiếu chi	50
Biểu 2.16: Giấy đề nghị tạm ứng:	51
Biểu 2.17: Phiếu chi	52
Biểu 2.18 Phiếu chi	53
Biểu 2.19: Giấy nộp tiền.	54
Biểu 2.20: Giấy chuyển tiền.....	65
Biểu 2.21: Giấy báo lãi.....	66
Biểu 2.22: Lệnh chi	67
Biểu 2.23: Phiếu báo giao dịch:	68
Biểu 2.24. Phiếu trả lãi tài khoản	74
Biểu 2.25: Ủy nhiệm chi:	75

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển của một doanh nghiệp, đó là vốn. Nhưng điều quan trọng đó là việc sử dụng đồng vốn bằng cách nào để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho doanh nghiệp. Đó chính là vấn đề hiện nay các doanh nghiệp phải đương đầu.

Mục tiêu cuối cùng và cao nhất của doanh nghiệp là vấn đề lợi nhuận tối đa, đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng nâng cao trình độ quản lý sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong quản lý và sử dụng vốn là yếu tố hết sức quan trọng có ý nghĩa quyết định đến sự sống còn của doanh nghiệp thông qua các kết quả và hiệu quả kinh tế đạt được trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì vậy nền kinh tế chuyển từ cơ chế hạch toán tập trung sang cơ chế thị trường theo định hướng XHCN, cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các thành phần kinh tế đòi hỏi các doanh nghiệp phải có các phương án sử dụng sao cho hợp lý, tiết kiệm và đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, từ đó chọn ra tiền đề vững chắc cho hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp.

Là một sinh viên sắp ra trường, em rất muốn vận dụng những kiến thức đã học ở nhà trường cùng với tình hình thực tế tại công ty để hạch toán, nghiên cứu và đề ra một số biện pháp nhằm làm cho hoạt động liên doanh của công ty ngày càng vững mạnh.

Nhận thức được tầm quan trọng trên, trong quá trình thực tập tại công ty TNHH MTV Nam Triệu em đã chọn đề tài "**Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền**" để làm khóa luận tốt nghiệp cho mình.

Trong quá trình nghiên cứu và viết đề tài do trình độ và thời gian có hạn nên khóa luận tốt nghiệp sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Do đó, mong được những ý kiến đóng góp của các thầy, cô cũng như các cô, chú, anh (chị) trong công ty .

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền.

1.1.1 Khái niệm, phân loại vốn bằng tiền:

Khái niệm vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh thuộc tài sản lưu động của doanh nghiệp được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán, tồn tại trực tiếp dưới hình thái tiền tệ bao gồm: tiền mặt (TK111), tiền gửi Ngân hàng (TK112) và tiền đang chuyển (TK113).

Phân loại vốn bằng tiền:

* Theo hình thức tồn tại vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam
- Ngoại tệ
- Vàng bạc, kim khí quý, đá quý

* Theo hình thái tồn tại, vốn bằng tiền được chia thành:

- Tiền tại quỹ: gồm giấy bạc Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang được lưu giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong SXKD của doanh nghiệp.

- Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiện đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

- Tiền đang chuyển: là tiền trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác. Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng, kho bạc đã làm thủ tục chuyển tiền qua bưu điện để thanh toán nhưng chưa nhận được giấy báo của đơn vị được thanh toán.

Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch thu, chi (ngắn hạn, dài hạn) để có thể duy trì một lượng tiền tồn quỹ hợp lý trong quá trình SXKD.

1.1.2 Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:

Để quản lý tốt vốn bằng tiền trong nội bộ doanh nghiệp thì trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này. Ngoài ra doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người này thông qua công việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên là nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự

móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt. Các bước chính để quản lý nội bộ đối với vốn bằng tiền gồm:

-Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt đối với việc giữ các sổ kế toán – những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt, ban hành chế độ kiểm kê quỹ, quy định rõ ràng trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý tiền tại quỹ.

-Lập bản danh sách ghi phiếu thu tiền mặt tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.

-Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ nên dùng tiền mặt cho các khoản chi tiêu vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.

-Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi, tránh việc phát hành séc có số dư.

-Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký séc.

-Mọi biến động của vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền, với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực tế kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm có hiệu quả cao.

1.1.4 Nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền:

Kế toán vốn bằng tiền phải tôn trọng đầy đủ các quy tắc, các chế độ quản lý và lưu thông tiền tệ hiện hành. Cụ thể:

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất đó là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị

trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ sách TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Nhóm tài khoản có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ (theo dõi ở TK 007). Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho. Vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở các tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

1.2 Nội dung tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

1.2.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ:

1.2.1.1: Quy định kế toán tiền mặt tồn quỹ:

Kế toán tiền mặt cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Chi phản ánh vào TK 111 “Tiền mặt”, số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán tiền mặt phải có trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày và liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, nếu có chênh lệch thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

- Mỗi doanh nghiệp thường xuyên có một lượng tiền mặt nhất định nằm trong quỹ theo định mức phục vụ cho nhu cầu chi tiêu thường xuyên của doanh nghiệp, số tiền còn lại phải gửi vào kho bạc, ngân hàng hay công ty tài chính.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có các TK1112, TK1122 quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK1112 hoặc TK1122 theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Ở các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí

quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

+ Vàng bạc, kim khí, đá quý phải được theo dõi về số lượng, trọng lượng quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng bạc, đá quý, kim khí nhập vào quỹ được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá thanh toán).

+ Khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền, nhập trước – xuất trước, nhập sau- xuất trước và phương pháp thực tế đích danh.

- Cuối ngày, căn cứ vào chứng từ thu chi ghi vào sổ quỹ tiền mặt (thủ quỹ ghi), lập báo cáo quỹ cùng chứng từ gốc gửi cho kế toán, phải kiểm kê số tồn quỹ thực tế đối chiếu với sổ kế toán nếu có sai lệch phải cùng kế toán tìm nguyên nhân.

1.2.1.2: Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng:

****Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05-TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06-TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mẫu số 07-TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND) (Mẫu số 08a – TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí đá quý) (Mẫu số 08b-TT)
- Bảng kê chi tiền mặt (Mẫu số 09-TT)

****Sổ sách sử dụng:***

- Sổ quỹ tiền mặt
- Các sổ kế toán tổng hợp (tùy theo hình thức kế toán)

1.2.1.3: Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán tiền mặt tại quỹ, kế toán sử dụng TK111 – Tiền mặt. Tài khoản 111 dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt gồm tiền Việt Nam (kể cả ngân phiếu), ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý của doanh nghiệp.

*Kết cấu TK111 như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt là ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

-Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.

*Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp 2:

-TK1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

-TK1112 – Ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ, quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

-TK1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập xuất quỹ, tồn quỹ.

-TK007- Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng Cân đối kế toán).

**Kết cấu tài khoản 007 – Ngoại tệ các loại*

Bên Nợ: Ngoại tệ tăng trong kỳ.

Bên Có: Ngoại tệ giảm trong kỳ.

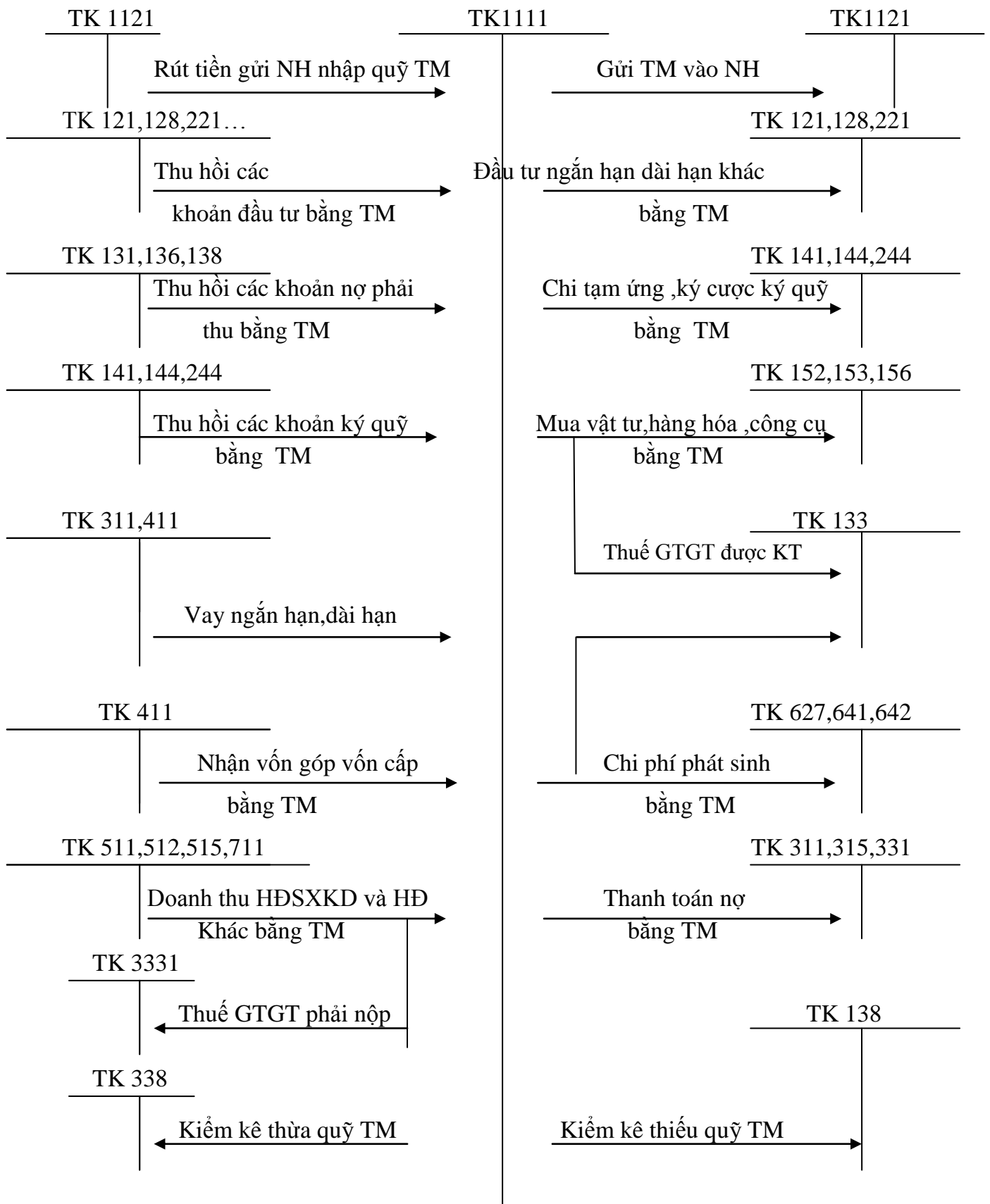
Dư Nợ: Ngoại tệ hiện có.

1.2.1.4: Phương pháp hạch toán tiền mặt:

1.2.1.4.1: Kế toán tiền mặt tại quỹ là Việt Nam đồng.

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

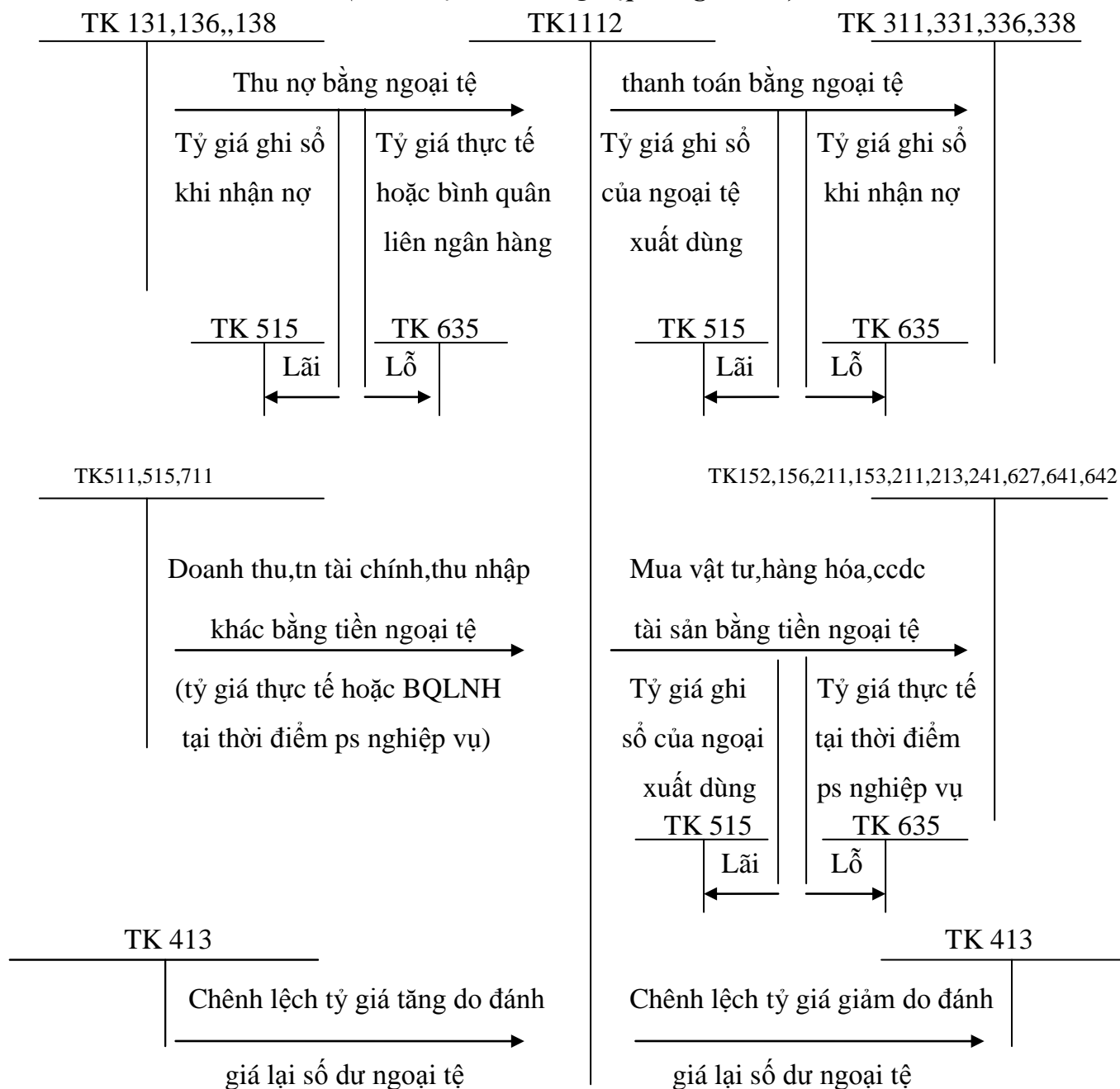
Sơ đồ 1.1 Kế toán tiền mặt bằng VND



1.2.1.4.2: Kế toán tiền mặt tại quỹ ngoại tệ.

*Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.2 Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ
(Giai đoạn doanh nghiệp đang SXKD)**



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007-Ngoại tệ các loại
TK 007

-Thu nợ bằng ngoại tệ
-Doanh thu,TN tài chính
TN khác bằng ngoại tệ

- Thanh toán bằng ngoại tệ
- Mua vật tư ,hàng hóa,công cụ
TSCĐ bằng ngoại tệ

1.2.1.4.3: Kế toán tiền mặt là vàng, bạc, đá quý:

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá như: phương pháp bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước hay thực tế đích danh.

1.2.2: Kế toán tiền gửi ngân hàng:**1.2.2.1: Nguyên tắc kế toán tiền gửi ngân hàng:**

Kế toán tiền gửi Ngân hàng cần tuân theo những nguyên tắc sau:

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản Ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số dư tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bản sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào tài khoản bên Nợ TK138 – Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc ghi vào bên Có TK338 – Phải trả phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

- Tại đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ các loại).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Trường hợp tiền gửi vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh. Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào Ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi từ Ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo 1 trong các phương pháp: bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (lãi tỷ giá) hoặc vào bên nợ Tk 635 “Chi phí tài chính” (lỗ tỷ giá).

- Các nghiệp vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”.

1.2.2.2: Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo nợ , giấy báo có của Ngân hàng.
- Bản sao kê của Ngân hàng (kèm theo các chứng từ gốc có liên quan như: séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...)
- Kế toán chịu trách nhiệm mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại tiền gửi: Việt Nam đồng, ngoại tệ hay vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và chi tiết theo từng Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.
- Các sổ kế toán tổng hợp (tùy theo hình thức kế toán).

1.2.2.3: Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của doanh nghiệp tại các Ngân hàng và các công ty tài chính.

*Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 112:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ.

- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính hiện có cuối kỳ.

*Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

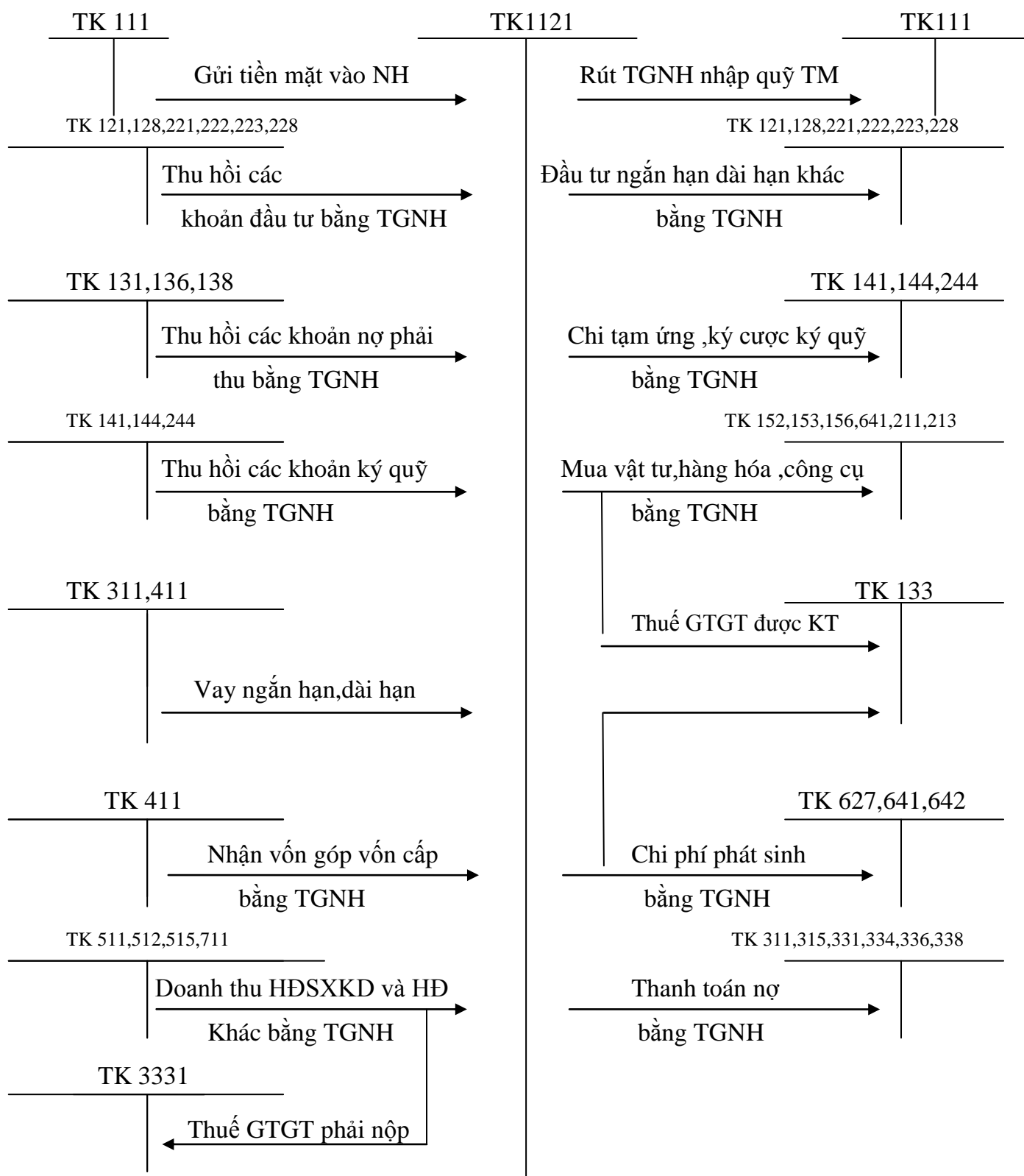
- TK 1121 – Tiền Việt Nam
- TK 1122 – Ngoại tệ
- TK 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

1.2.2.4: Phương pháp hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng:

1.2.2.4.1: Kế toán tiền gửi ngân hàng là Việt Nam đồng:

Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

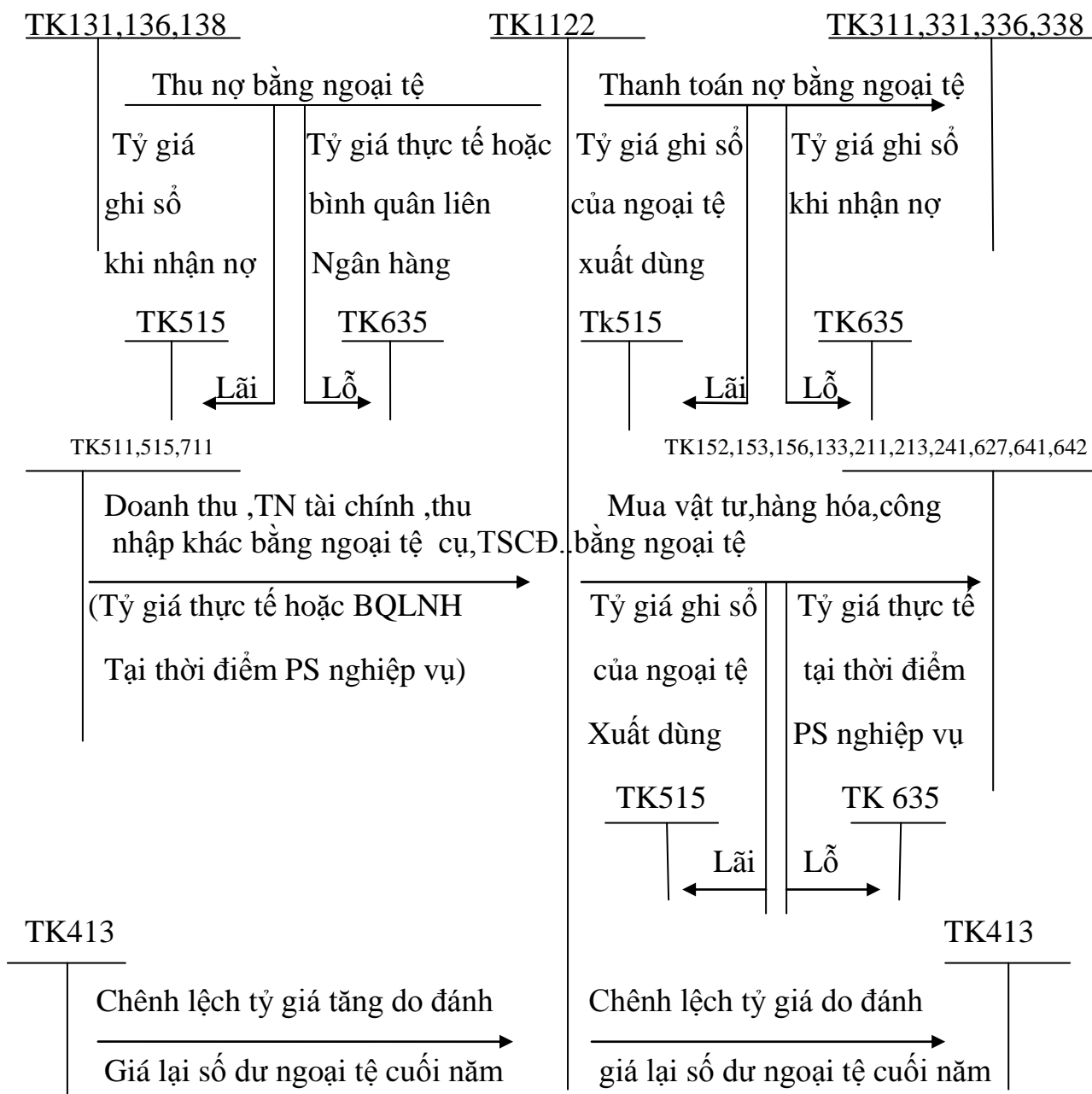
Sơ đồ 1.3 Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền VND



1.2.2.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ.

Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ được thực hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng là ngoại tệ
(Giai đoạn doanh nghiệp đang SXKD)**



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007-Ngoại tệ các loại

TK007

- | | |
|--|--|
| -Thu nợ bằng ngoại tệ | -Thanh toán nợ bằng ngoại tệ |
| -Doanh thu, TN tài chính TN khác bằng ngoại tệ | -Mua vật tư, hàng hóa, công cụ bằng ngoại tệ |

1.2.3:Tiền đang chuyển

1.2.3.1:Nguyên tắc về kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng ,Kho bạc Nhà nước,,đã gửi bưu điện để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có ,trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng để nộp thuế vào Kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

Tiền đang chuyển là tài sản bằng tiền ,thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp đang nằm trong quá trình trung gian khi những nghiệp vụ kinh tế chính chưa hoàn thành .Đây là một trong những nội dung cần quản lý chặt chẽ để nhằm thực hiện tốt những trách nhiệm khác ,không để sai sót khi những nghiệp vụ kinh tế cuối cùng chưa hoàn thành.

1.2.3.2:Chứng từ sổ sách sử dụng:

- Giấy báo nộp tiền,bảng kê nộp séc .
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như:Séc các loại,ủy nhiệm chi,ủy nhiệm thu.
- Các sổ kế toán tổng hợp(tùy theo hình thức kế toán

1.2.3.3:Tài khoản sử dụng;

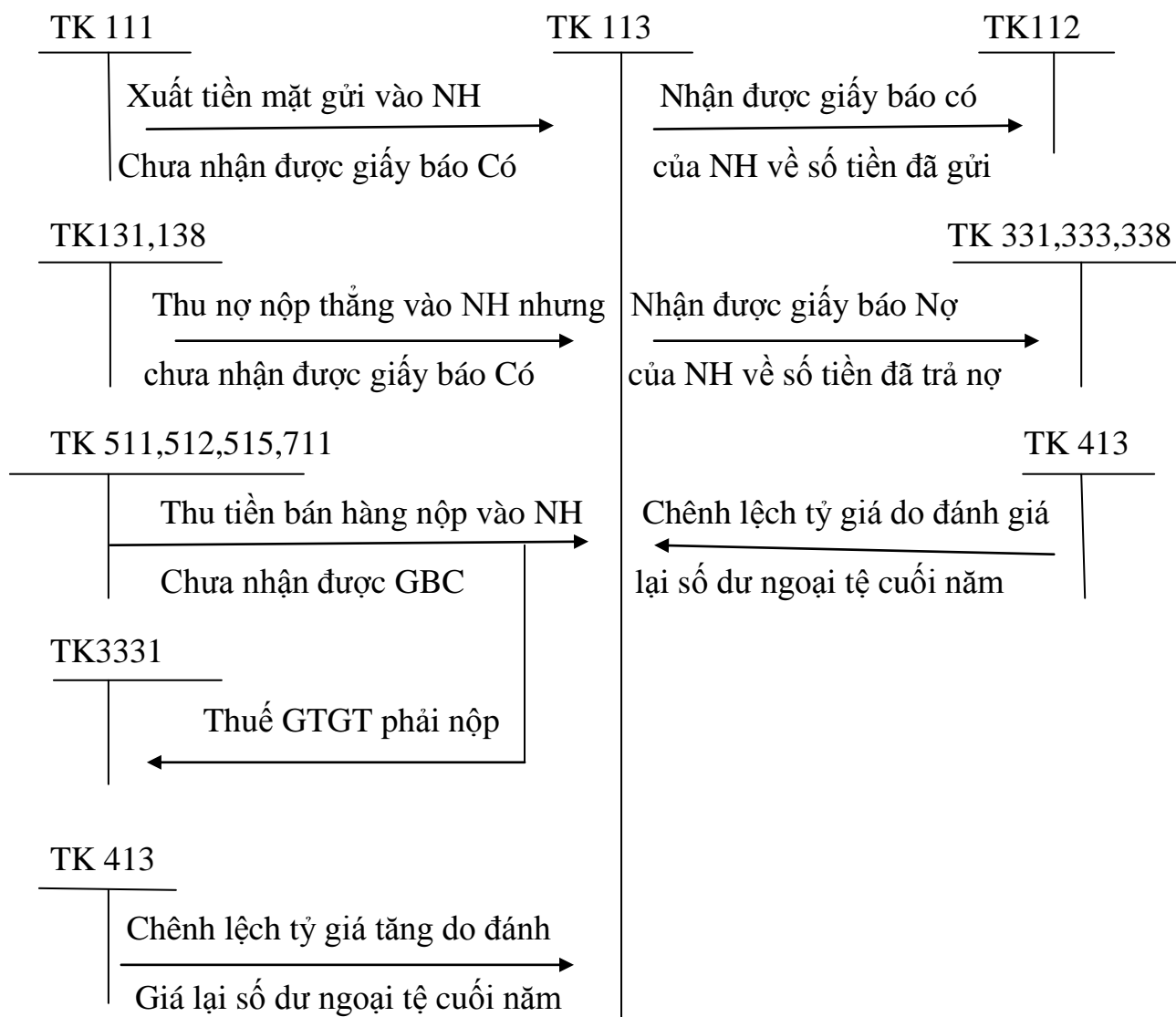
Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113”tiền đang chuyển”.TK 113 dùng để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp.Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

- Bên Nợ:Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ
- Bên Có:Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.
- Số dư bên Nợ:Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ .TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:
 - TK 1131: Tiền Việt Nam
 - TK 1132: Ngoại tệ

1.2.3.4: Phương pháp hạch toán kế toán tiền đang chuyển:

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5. Kế toán đang chuyển tiền



1.3:Các hình thức kế toán :

1.3.1:Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:

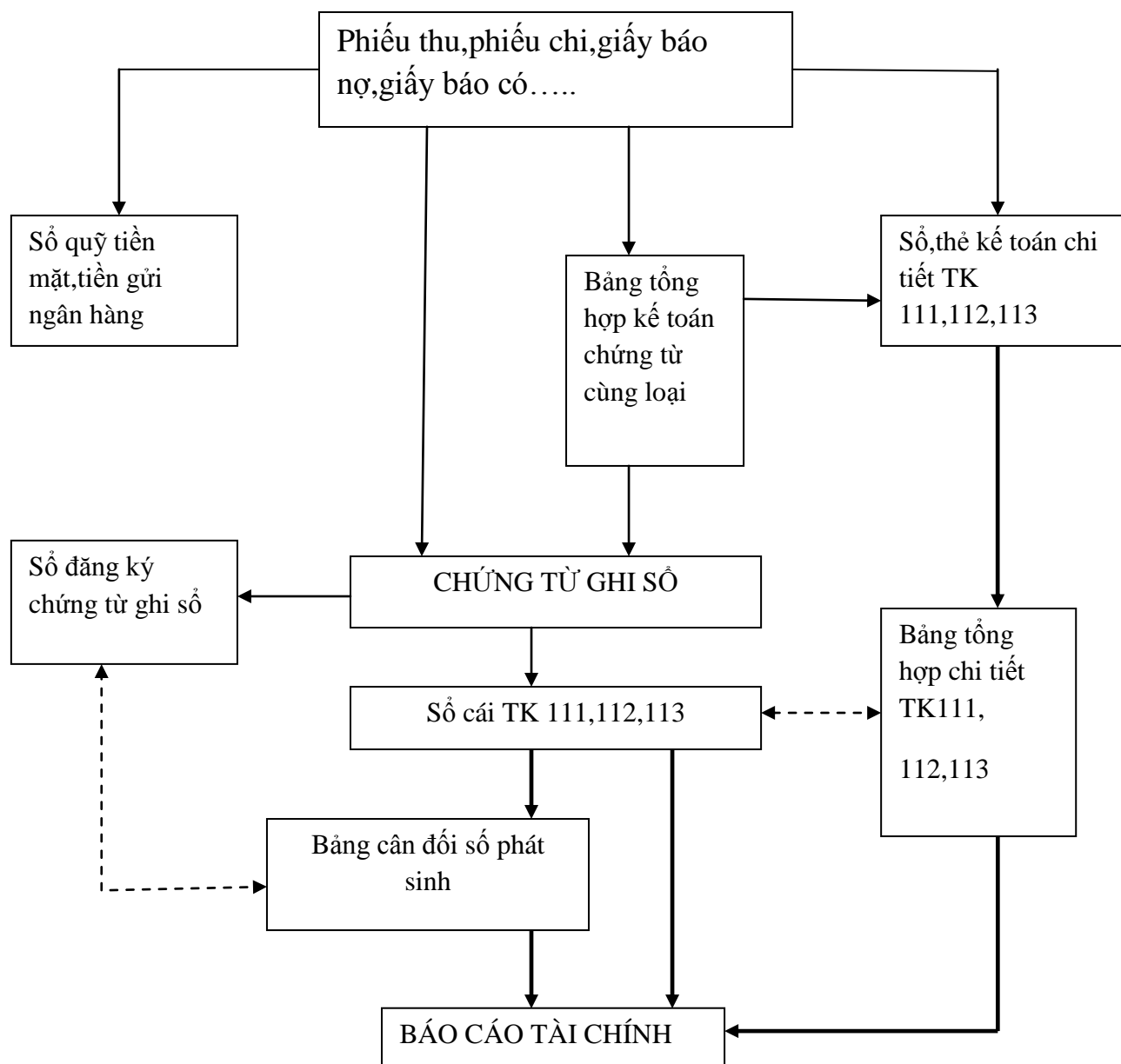
Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là Chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng kí Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng kết chứng từ kế toán cùng loại có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm(theo thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ)và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ thường được áp dụng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ áp dụng kế toán máy:

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: —————>

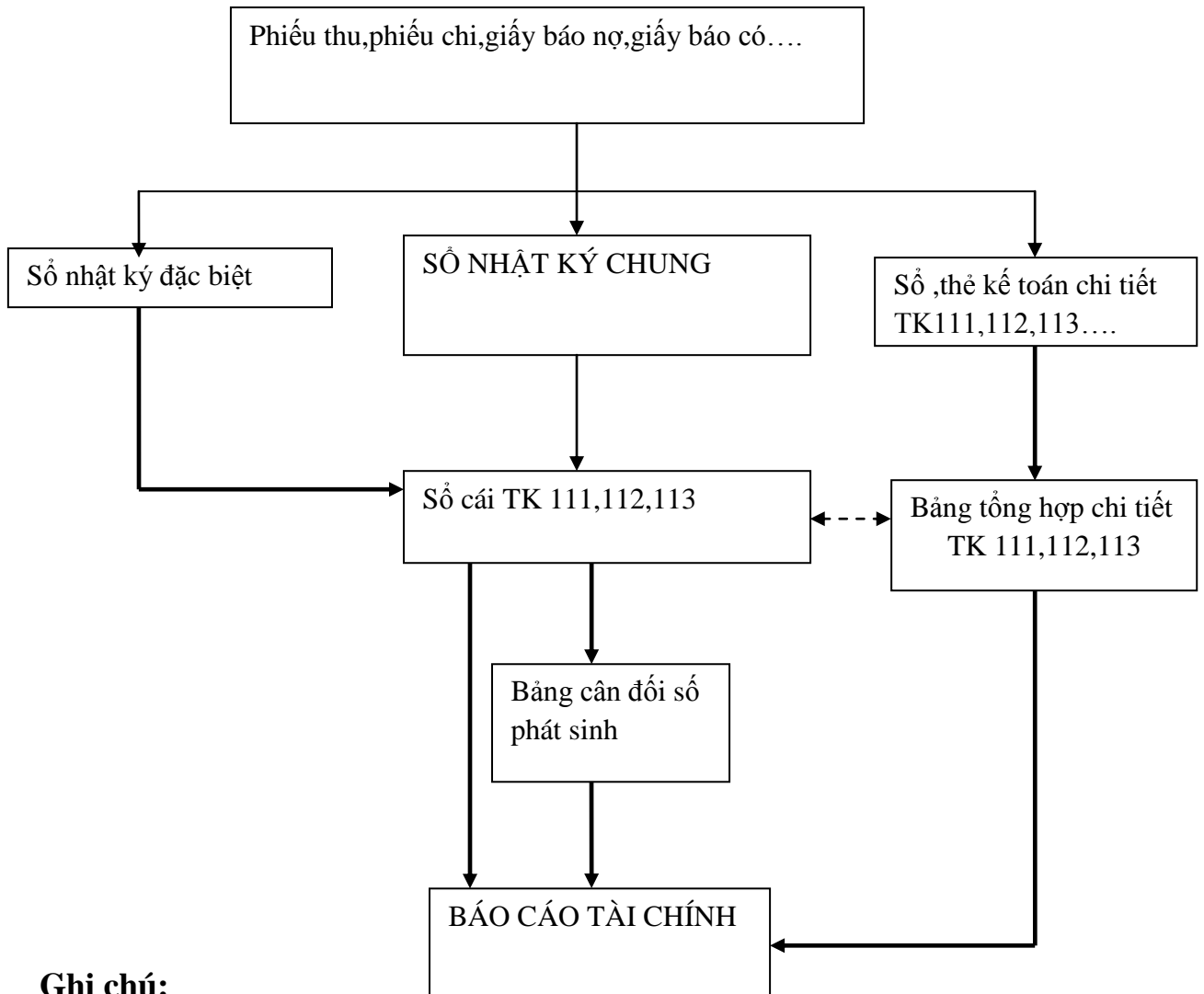
Đối chiếu ,kiểm tra: <----->

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào Nhật ký mà trọng tâm là Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung dễ áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo Nhật ký chung.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: —————>

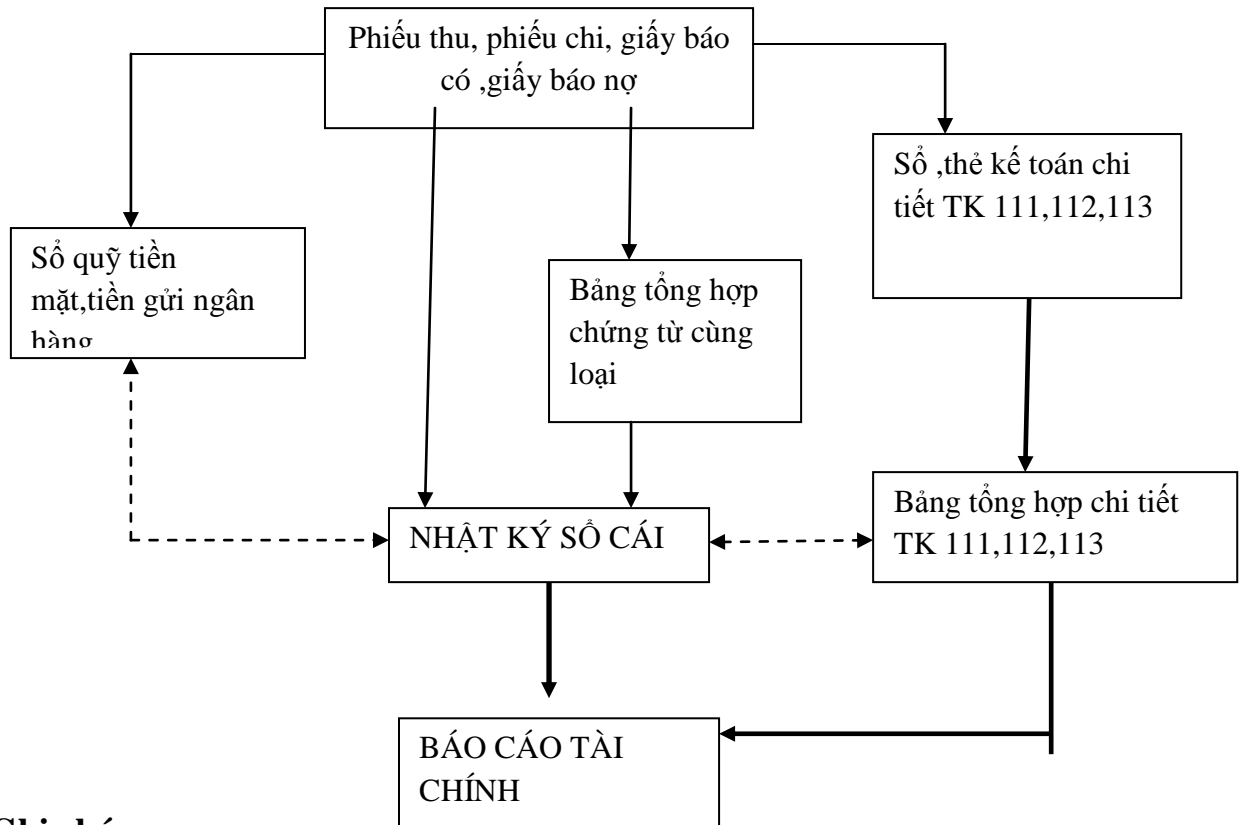
Đối chiếu ,kiểm tra: <----->

1.3.3.Hình thức kế toán Nhật ký –Sổ cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký-Sổ cái :các nghiệp vụ kinh tế ,tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký –Sổ cái .Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký –sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán nhật ký sổ cái thường áp dụng trong doanh nghiệp có quy mô nhỏ(vốn dưới 1 tỷ) và sử dụng ít tài khoản kế toán ,kế toán chủ yếu làm thủ công.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – sổ cái.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

1.3.4:Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ:

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ:

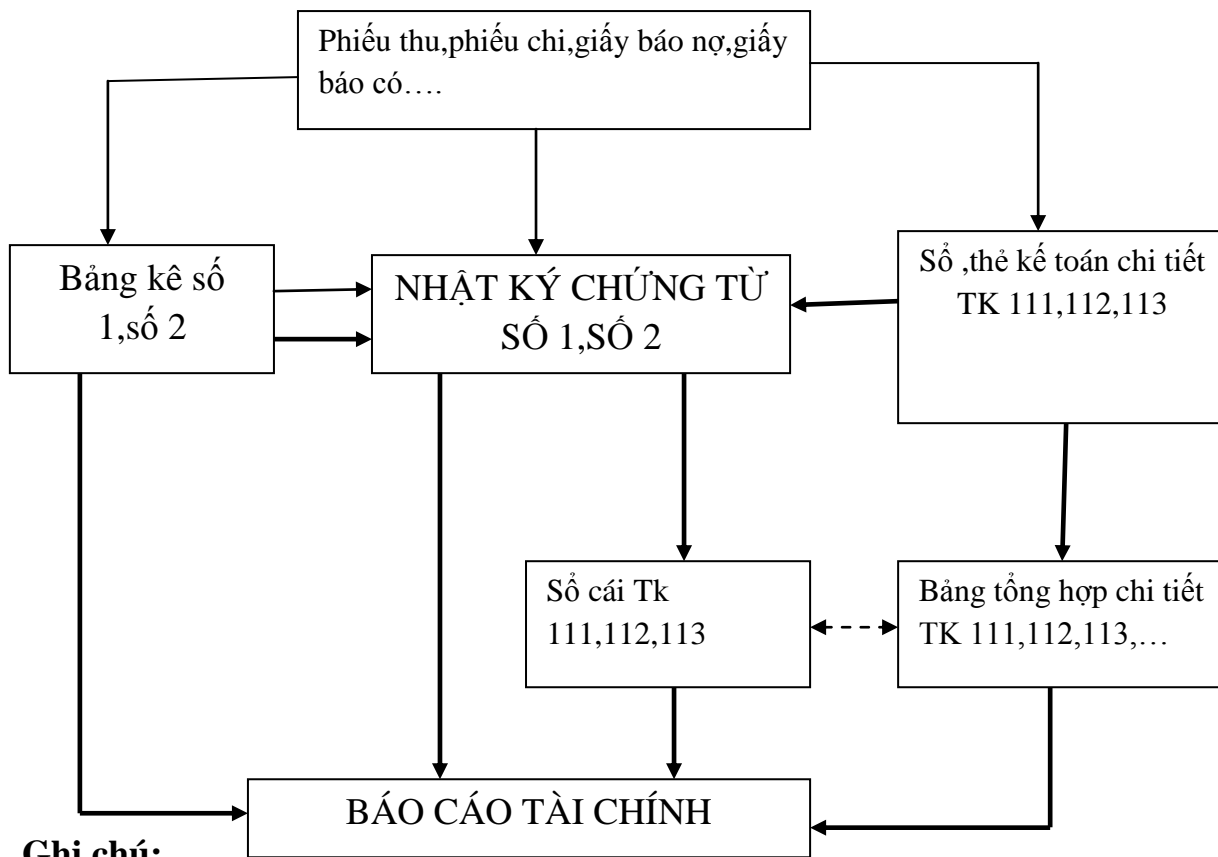
-Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

-Kết hợp chặt chẽ với việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo các tài khoản)

-Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ có mẫu sổ rắc rối,cách thức ghi sổ phức tạp ,khó để áp dụng kế toán máy.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

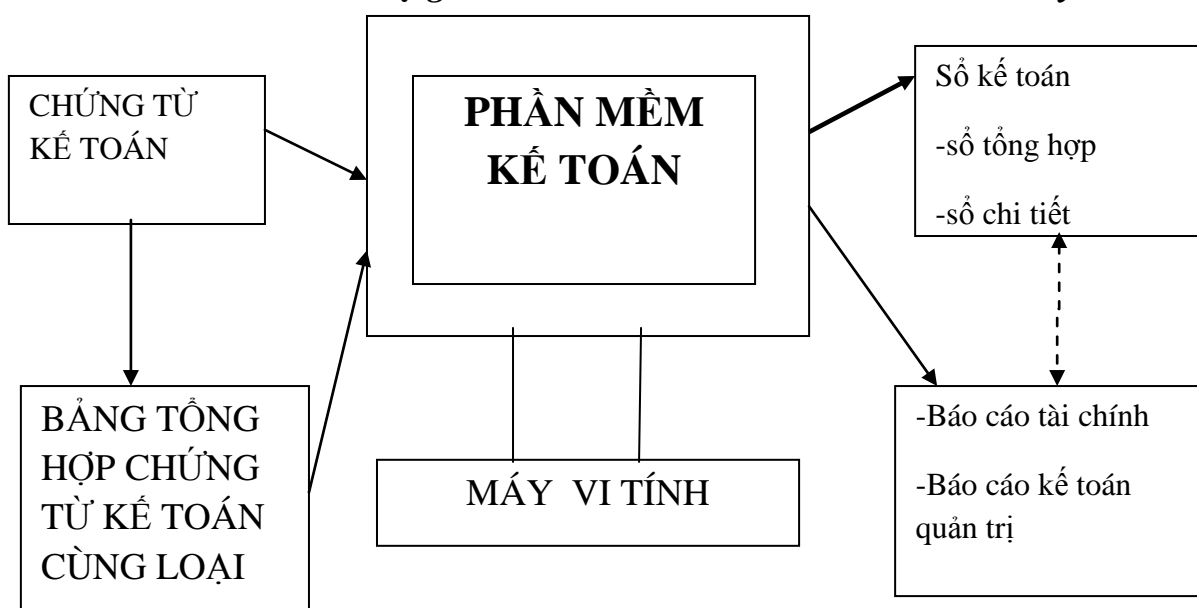
Ghi định kỳ \longrightarrow

Đối chiếu ,kiểm tra: \longleftrightarrow

1.3.5. Hình thức kế toán máy :

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phân mềm trên máy vi tính .Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây .Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán ,nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy :



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu ,kiểm tra: <----->

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Nam Triệu là doanh nghiệp hoạt động công ích phục vụ ngành Công an được thành lập theo quyết định số 869/QĐ-UB ngày 17/5/2000 của Thành phố Hải Phòng và giao cho Công an Thành phố quản lý.

Công ty là đơn vị kinh tế của Công an Thành phố hạch toán kinh tế độc lập có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại các Ngân hàng (kể cả tài khoản ngoại tệ).

Công ty chịu sự quản lý nhà nước của UBND Thành phố Hải Phòng và chịu sự quản lý về nghiệp vụ của các ngành chức năng của Thành phố.

Tên gọi: Công ty TNHH MTV Nam Triệu

Địa chỉ: 280 Lạch Tray - phường Đồng Quốc Bình - quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng

Mã số thuế: 0200396207

Công ty TNHH MTV Nam Triệu tiền thân là Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Nam Triệu được thành lập theo Nghị định số 180/HĐBT ngày 28/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập các tổ chức kinh doanh và xuất khẩu thuộc Bộ nội vụ và quyết định số 626/QĐ-TCCQ tháng 10/1991 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Thực hiện thông báo số 5228/ĐMDN ngày 16/10/1996 của Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và văn bản thỏa thuận số 804/H11 ngày 03/9/1996 của Bộ nội vụ và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, ngày 19/11/1996 Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 2636/QĐ-UB về việc thành lập Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Nam Triệu trên cơ sở tổ chức lại Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Nam Triệu.

Thực hiện Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích và Thông báo số 1700/BCA(H11) ngày 21/12/1999 của Bộ Công an về "Phê duyệt phương án sắp xếp lại hoạt động sản xuất" đối với lực lượng Công an TP Hải Phòng, ngày 17/5/2000 Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quyết định số 869/QĐ-UB về việc đổi tên và chuyển Công ty đầu tư xuất nhập khẩu Nam Triệu là doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh thành Công ty Nam Triệu

là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Ngày 08/02/2010 Bộ trưởng Bộ Công an ký quyết định công nhận Công ty Nam Triệu là Công ty an ninh.

Dưới sự lãnh đạo của Ban giám đốc, được sự giúp đỡ của bạn hàng và chính quyền, Công ty TNHH MTV Nam Triệu đã từng bước khẳng định được sự vững mạnh và phát triển. Với đội ngũ nhân viên nhiều kinh nghiệm có trình độ chuyên môn cao trong công tác sản xuất và quản lý.

2.1.2 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

- Sửa chữa ô tô, xe máy, thiết bị phục vụ chiến đấu.
- Sửa chữa và đóng mới tàu, xuồng các loại trung bình và nhỏ phục vụ công tác của ngành công an.
- Xây dựng và sửa chữa các công trình nội bộ, các công trình giao thông vừa và nhỏ.
- Sản xuất biển xe cơ giới và biển báo giao thông bằng chất liệu phản quang.
- Cấp phát xăng dầu phục vụ công tác, chiến đấu và bán lẻ.
- Khai thác, cung cấp, vận chuyển chất phụ gia xi măng
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.
- Dịch vụ hợp đồng bảo vệ

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Đứng đầu là Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung cho toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giúp việc cho giám đốc là hai Phó Tổng giám đốc: một Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh, một Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật sản xuất.

Giúp việc cho hai Phó giám đốc là Kế toán trưởng trực tiếp tổ chức chỉ đạo đội ngũ kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán thống kê thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế theo quy định của nhà nước.

Bên dưới là các phòng ban, xí nghiệp, xưởng có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Phòng tổ chức hành chính: Tổ chức lập kế hoạch về lao động (tuyển dụng, đào tạo, tăng giảm lao động), lập kế hoạch quỹ tiền lương, kiểm tra, phân tích đánh giá về tình hình sử dụng lao động, tình hình thực hiện công tác an toàn bảo hộ lao động, hành chính quản trị phục vụ công tác quản trị an toàn Công ty, y tế bảo vệ sức khỏe cho CBCNV.

- Phòng Tài chính kế toán : Quản lý tình hình tài chính của Công ty, tổ chức hạch toán kế toán, xác định giá thành toàn sản phẩm, phân tích đánh giá về khả năng tài chính của Công ty (thanh toán các khoản phải thu, phải trả và tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách), cung cấp thông tin về tài chính cho Hội đồng quản trị và đề xuất các ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Công ty.

- Xí nghiệp sửa chữa đóng mới tàu xuồng trong đó chủ yếu là sửa chữa tàu, canô trong ngành công an và ngoài ra còn đóng mới tàu dân dụng dưới 10.000 tấn.

- Xí nghiệp sản xuất biển số xe ô tô, xe máy phục vụ cho ngành công an 7 tỉnh miền Bắc.

- Phòng khai thác chất phụ gia xi măng

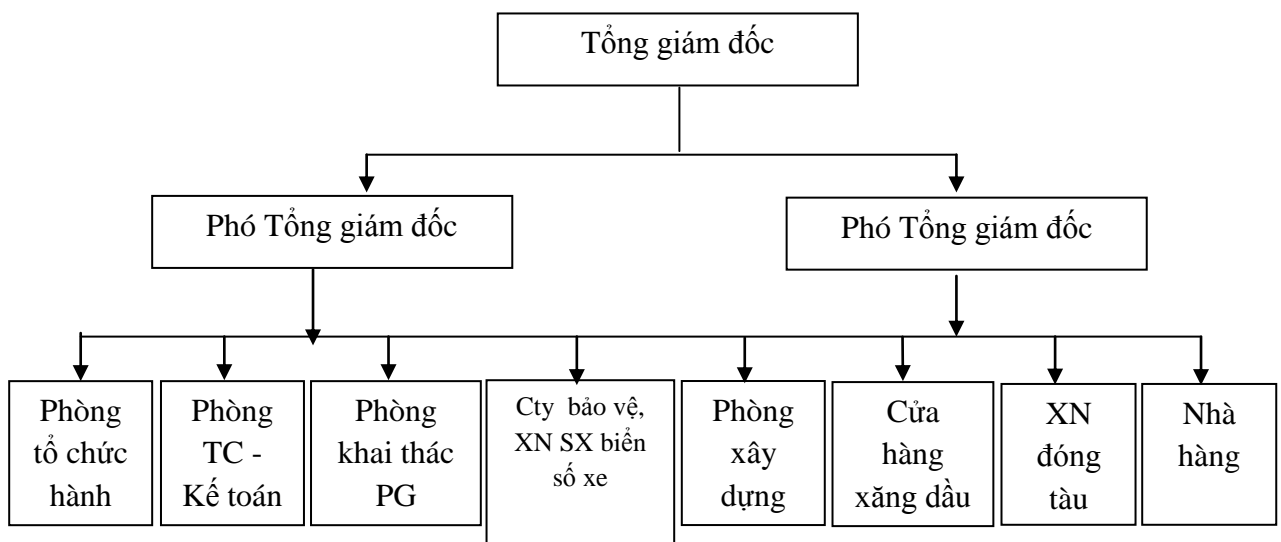
- Phòng xây dựng có nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa trong ngành và dân dụng

- Cửa hàng xăng dầu có nhiệm vụ phục vụ công tác chiến đấu và bán lẻ cho người dân trong thành phố.

- Nhà hàng Thiên Đại Lộc phục vụ ăn uống.

- Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý và mối quan hệ giữa các bộ phận

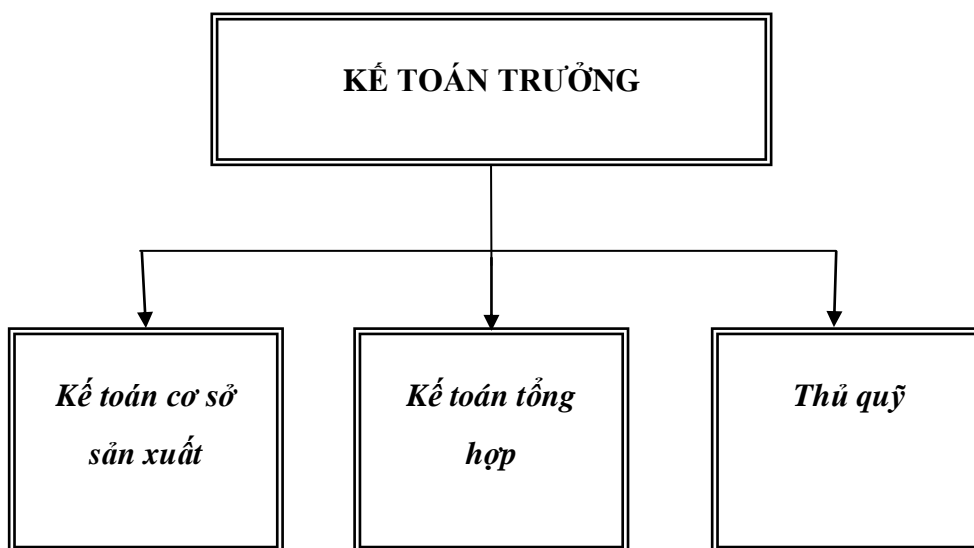


2.1.4 : Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Phòng Tài chính kế toán biên chế 8 nhân viên, do kế toán trưởng làm Trưởng phòng, tổ chức công tác kế toán hỗn hợp, thực hiện kế toán tài sản – nguồn vốn, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành các sản phẩm sản xuất. Lập báo cáo tài chính của Công ty gửi về Bộ công an và các cơ quan có liên quan. Tại các đơn vị trực tiếp tổ chức sản xuất kinh doanh không thực hiện công tác kế toán. Mọi hoạt động thu chi tài chính phát sinh do nhân viên kế toán thu nhập chứng từ tài liệu, quyết toán và lưu trữ tại phòng kế toán Công ty.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán



- Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và các cơ quan Pháp luật về công việc của mình. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức, phân công, kiểm tra các công việc của kế toán viên.

- Kế toán cơ sở sản xuất: theo dõi, tập hợp, kiểm tra chứng từ phát sinh hàng ngày tại cơ sở, chuyển về phòng kế toán để thực hiện công tác hạch toán kế toán dưới sự kiểm soát của kế toán trưởng và kế toán tổng hợp.

- Kế toán tổng hợp: kiểm soát và hạch toán các chứng từ phát sinh hàng ngày tại cơ sở, hàng tháng, quý, năm lập báo cáo nộp cấp trên và các cơ quan Pháp luật, chịu trách nhiệm kiểm soát hoạt động hạch toán toàn công ty và tham mưu cho kế toán trưởng.

- Thủ quỹ:

+ Bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo chứng từ được duyệt.

+ Hàng tháng vào sổ quỹ, lên báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong kết phải khớp với số dư trên báo cáo quỹ. Thủ quỹ phải có trách nhiệm bồi thường khi để xảy ra thất thoát tiền mặt do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền mặt.

+ Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt ở tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.4.2 Chế độ, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng.

Hệ thống chứng từ, tài khoản, báo cáo áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Niên độ kế toán : Bắt đầu từ ngày 01/01/N đến 31/12/N
- Hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho : phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày
 Ghi định kỳ
 Đối chiếu, kiểm tra

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV NamTriệu.

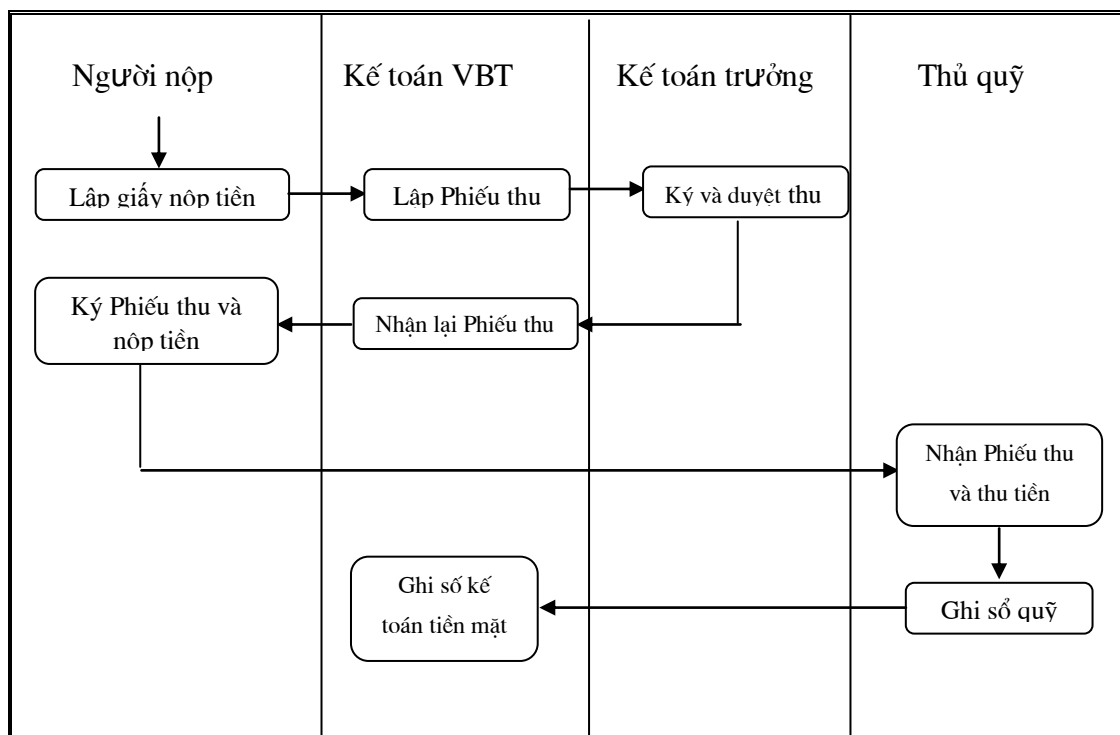
2.2.1 Kế toán tiền mặt tại quỹ.

** Chứng từ và sổ sách sử dụng*

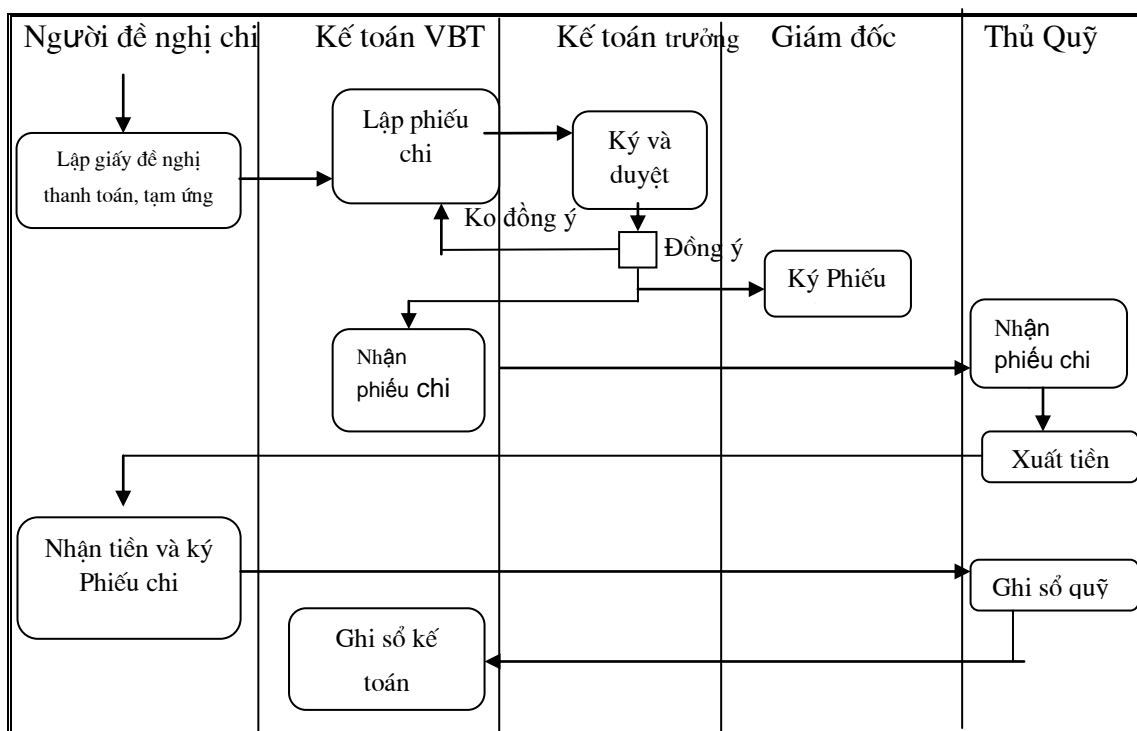
- Mẫu số 01 - TT: phiếu thu.
- Mẫu số 02 - TT: phiếu chi.
- Mẫu số 03 - TT: giấy đề nghị tạm ứng.
- Mẫu số 04 - TT: Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Mẫu số 05 - TT: Giấy đề nghị thanh toán.
- Bảng kiểm kê quỹ, giấy nộp tiền
- Phiếu phân tích tài khoản ...
- Sổ sách sử dụng: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 111, Sổ quỹ tiền mặt, ...

** Quy trình lập và luân chuyển phiếu thu, phiếu chi:*

Mô hình hoá hoạt động thu tiền mặt



Mô hình hoá hoạt động chi tiền mặt



* Tài khoản sử dụng

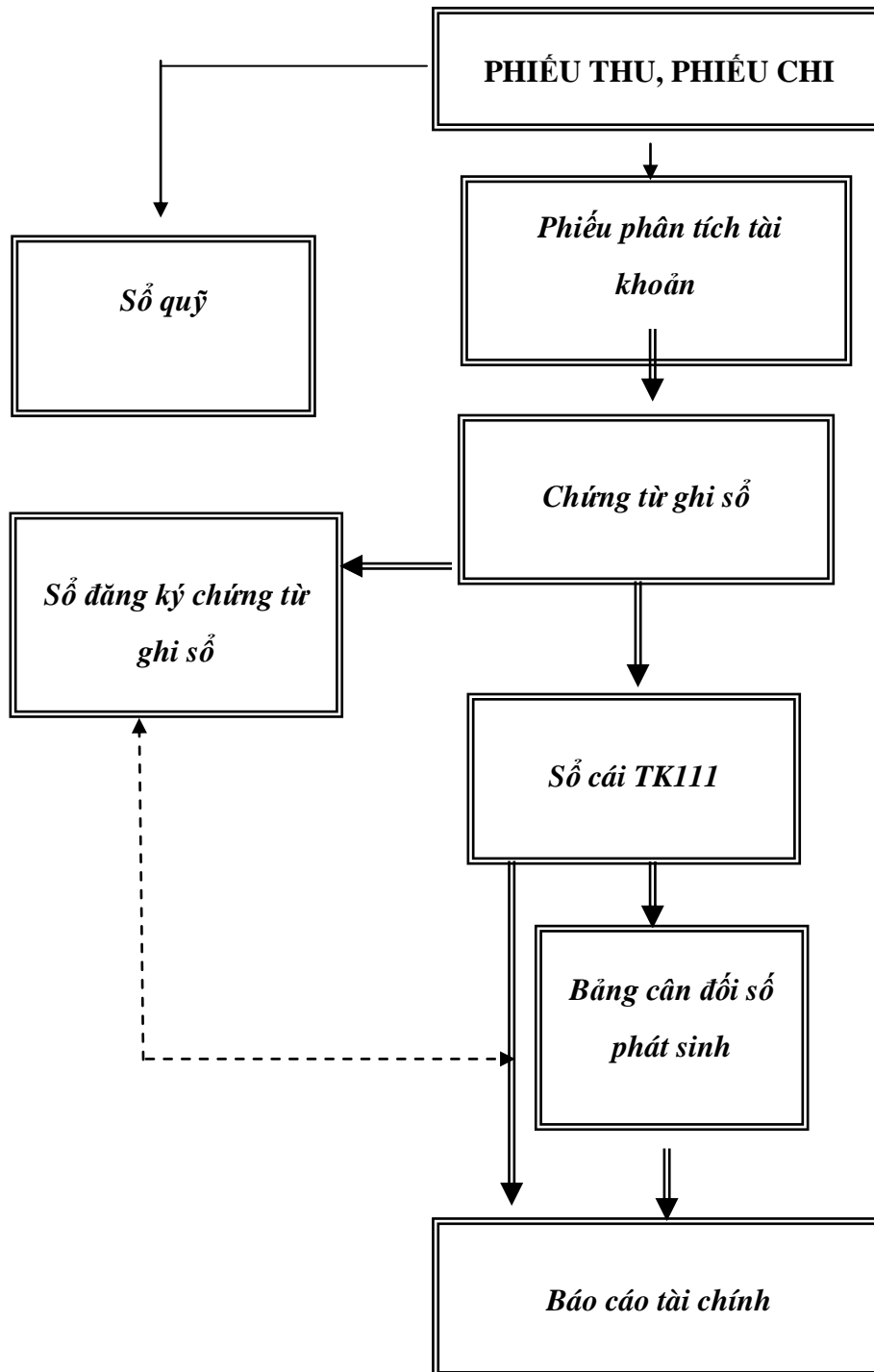
TK 111- Tiền mặt

TK 1111 – Tiền Việt Nam

* Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt:

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại công ty TNHH MTV Nam

Triệu:



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi định kỳ →
 Đối chiếu, kiểm tra ↔

Kế toán căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi ghi vào Phiếu phân tích tài khoản, Sổ quỹ tiền mặt. Tiếp đó từ Phiếu phân tích tài khoản lập Chứng từ ghi sổ rồi ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái TK111. Sau khi đối chiếu số liệu giữa Sổ quỹ tiền mặt và sổ cái TK 111 đảm bảo khớp đúng, căn cứ vào Sổ cái TK 111 kế toán ghi vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Một số nghiệp vụ làm tăng tiền mặt của Công ty trong quý IV năm 2014

Ví dụ 1: Ngày 26 tháng 12 năm 2014 thu tiền biên số nhà của UBND phường Hưng Đạo số tiền 6.000.000đ, thu bằng tiền mặt.

Biểu 2.1: Giấy nộp tiền

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Triệu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
Địa chỉ:	<i>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</i>	
GIẤY NỘP TIỀN		
<i>Kính gửi:</i> - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU		
Tên người nộp: Nguyễn Văn Thái		
Địa chỉ : Hưng Đạo – Dương Kinh – Hải Phòng.....		
Lý do:nộp tiền biên số nhà		
.....		
.....		
Số tiền:6.000.000đ.....		
Viết bằng chữ: sáu triệu đồng chẵn./.....		
.....		
Hải Phòng, Ngày 26 tháng 12 năm 2014		
Tổng giám đốc duyệt	Kế toán trưởng	Người nộp
(Đã ký, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.2 : Phiếu thu

Đơn vị: CÔNG TY TNHH
MTV NAM TRIỆU
Địa chỉ: 280 Lạch Tray –
Ngô Quyền- HP.
Mã số thuế: 0200396207

PHIẾU THU

Ngày: 26/12/2014

Quyển số:

Số: 320

NỢ: 111

CÓ: 131

Mẫu số: 01 - TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

Họ, tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Thái

Địa chỉ: Hưng Đạo – Dương Kinh – Hải Phòng

Lý do nộp: Nộp tiền biên số nhà

Số tiền: 6.000.000đ (*Viết bằng chữ : Sáu triệu VND*)

Kèm theo ... chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>
<i>Nguồn: Phòng kế toán</i>				

Ví dụ 2: Ngày 26/12/2014 xuất bán 2.774 lít xăng , giá bán chưa thuế 18.118đ, thuế suất 10% đã thu bằng tiền mặt.

Biểu 2.3: Giấy nộp tiền

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Triệu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
Địa chỉ:	<i>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</i>	
GIẤY NỘP TIỀN		
<i>Kính gửi:</i> - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU		
Tên người nộp: Đặng thị Thêm		
Địa chỉ : của hàng xăng dầu.....		
Lý do:nộp tiền bán xăng A92.....		
.....		
.....		
Số tiền:55.285.820đ.....		
Viết bằng chữ:Năm mươi năm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi đồng./		
Hải Phòng, Ngày 26 tháng 12 năm 2014		
Tổng giám đốc duyệt	Kế toán trưởng	Người nộp
(Đã ký, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.4: Bảng kê

CỬA HÀNG XĂNG DẦU
BẢNG KÊ XUẤT BÁN LẺ
Loại hàng xăng A92

STT	Chứng từ		Đơn vị mua hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá		Tổng số		Trong đó Thuế VAT
	Số hóa đơn	Ngày tháng				chưa VAT	T.toán	Tiền Ttoán	Tiền hàng	
1	0002116	26/12	Cty CP Sao Á	lít	50	18,118	19,930	996500	905900	90600
2	0002117	26/12	PROCONO Hải Phòng	lít	200	18,118	19,930	3986000	3623600	362400
3	0002118	26/12	Cty TNHH Cự Bách	lít	40	18,118	19,930	797200	724720	72480
4	0002119	26/12	XN điện tử Hàng Hải	lít	350	18,118	19,930	6975500	6341300	634200
5	0002120	26/12	Cty CP điện tử an toàn hàng hải	lít	330	18,118	19,930	6576900	5978940	597960
6	0002121	26/12	Cty CP phát triển CN tàu thủy	lít	370	18,118	19,930	7374100	6703660	670440
7	0002122	26/12	Cty TNHH dịch vụ hàng hải An Giang	lít	380	18,118	19,930	7573400	6884840	688560
8	0002123	26/12	Cty TNHH DV&TM Nhật Vạn	lít	200	18,118	19,930	3986000	3623600	362400
9	0002124	26/12	Cty CP Công trình VIETTEL	lít	34	18,118	19,930	677620	616012	61608
10	0002125	26/12	Cty Hợp danh CN Tàu Thủy	lít	380	18,118	19,930	7573400	6884840	688560
11	0002126	26/12	Trường ĐHDL Hải Phòng	lít	100	18,118	19,930	1993000	1811800	181200
12	0002128	26/12	Cty VESUVIUS	lít	40	18,118	19,930	797200	724720	72480
13	0002131	26/12	Cty CP đầu tư và thương mại Nam Sơn	lít	300	18,118	19,930	5979000	5435400	543600
			Tổng		2774			55285820	50259332	5026488

Biểu 2.5: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 12 năm 2014

Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/14P

Số: 0002116

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Nam Triệu

Mã số thuế: 0200396207

Địa chỉ: 280 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại: 0313739411

Số tài khoản: 102010000208035

Họ tên người mua hàng: Trần Thanh Hải

Tên đơn vị: Công ty CP Sao Á

Mã số thuế: 0200504188

Địa chỉ: Số 5 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP HP

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Xăng A92	Lít	50	18.118	905.900
Cộng tiền hàng:					905.900
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					90.600
Tổng cộng tiền thanh toán:					996.500
Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng./					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 12 năm 2014

Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/14P

Số: 0002117

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Nam Triệu

Mã số thuế: 0200396207

Địa chỉ: 280 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại: 0313739411

Số tài khoản: 102010000208035

Họ tên người mua hàng: 15LD – 004.20

Tên đơn vị: PROCONCO Hải Phòng

Mã số thuế: 3600234534

Địa chỉ: Lô CN2-1A KCN Đình Vũ – Hải An – Hải Phòng

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng A92	Lít	200	18.118	3.623.600
Cộng tiền hàng:					3.623.600
Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:				362.400	
Tổng cộng tiền thanh toán:				3.986.000	
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng./					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Phiếu thu

Đơn vị: CÔNG TY TNHH
MTV NAM TRIỆU

PHIẾU THU

Quyển số:

Mẫu số: 01 - TT

Địa chỉ: 280 Lạch Tray –
Ngô Quyền- HP.

Ngày: 26/12/2014

Số: 318

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NQ: 111

Mã số thuế: 0200396207

CÓ: 511, 3331

Họ, tên người nộp tiền: Đặng Thị Thêm

Địa chỉ: Cửa hàng xăng dầu

Lý do nộp: Tiền bán hàng xăng A92

Số tiền: 55.285.820đ (Viết bằng chữ : Năm mươi năm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi đồng)

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Nguồn: Phòng kế toán

Ví dụ 3: Ngày 11/12 /2014, xuất bán biển oto 23,5 bộ đơn giá 108.545,45đ, biển xe máy 25 cái đơn giá 30.454,54đ cho Công an tỉnh Hưng Yên, thuế VAT 10%, thu bằng TM.

Biểu 2.8: Giấy nộp tiền

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Triệu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
Địa chỉ:	<i>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</i>	
GIẤY NỘP TIỀN		
<i>Kính gửi:</i> - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU		
Tên người nộp: Đặng Thị Nga		
Địa chỉ : Phòng TC – Kế toán.....		
Lý do: Nộp tiền biển lẻ CA Hưng Yên		
.....		
.....		
Số tiền: 3.643.400đ.....		
Viết bằng chữ: Ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng./.....		
.....		
Hải Phòng, Ngày 11 tháng 12 năm 2014		
Tổng giám đốc duyệt	Kế toán trưởng	Người nộp
(Đã ký, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.9: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 11 tháng 12 năm 2014

Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/14P

Số: 0002026

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Nam Triệu

Mã số thuế: 0200396207

Địa chỉ: 280 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại: 0313739411

Số tài khoản: 102010000208035

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công an tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế:

Địa chỉ: Số 6 Bạch Đằng – TP Hưng Yên – Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: Fax:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Biển ô tô	Bộ	23,5	108.545,45	2.550.818
2	Biển xe máy	Cái	25	30.454,54	761.363
Cộng tiền hàng:					3.312.181
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		331.219
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.643.400
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm đồng./					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Phiếu thu

Đơn vị: CÔNG TY
TNHH MTV NAM
TRIỆU

PHIẾU THU

Ngày: 11/12/2014

Địa chỉ: 280 Lạch Tray –
Ngô Quyền- HP.

Mã số thuế: 0200396207

Quyển số:

Số: 299

NỢ: 111

CÓ: 511,3331

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ tên người nộp tiền: Đặng Thị Nga

Địa chỉ: Phòng TC – Kế toán

Lý do nộp: Nộp tiền biển lẻ CA Hưng Yên

Số tiền: 3.643.400đ (Viết bằng chữ : Ba triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm đồng)

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>

Nguồn: Phòng kế toán

Một số nghiệp vụ làm giảm tiền của công ty trong quý IV năm 2014:

Ví dụ 4: Ngày 29/12/2014, thanh toán vật tư sửa chữa tàu CA 15-51-979 công an Hải Phòng số tiền 12.850.000đ.

Biểu 2.11: Giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nan triệu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		
Địa chỉ:	<i>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</i>		
GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN			
<i>Kính gửi:</i> - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU			
Người đề nghị: Hoàng Sâm			
Bộ phận : xí nghiệp đóng tàu			
Lý do: thanh toán tiền vật tư sửa tàu CA 15-51-979 CAHP.....			
.....			
.....			
Số tiền: 12.850.000đ			
Viết bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./			
.....			
Hải Phòng, Ngày 29 tháng 12 năm 2014			
Tổng giám đốc duyệt	Kế toán trưởng	KT xí nghiệp	Người đề nghị
(Đã ký, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.12: Phiếu chi

Đơn vị: CÔNG TY TNHH
MTV NAM TRIỆU

PHIẾU CHI

Quyển số:

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ: : 280 Lạch Tray –Ngô
Quyền- HP

Ngày: 29/12/2014

Số: 491

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NỢ: 331

Mã số thuế: 0200396207

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: Hoàng Sâm

Địa chỉ: Xí nghiệp đóng tàu

Lý do chi: Thanh toán tiền vật tư sửa chữa tàu CA 15-51-979 CAHP

Số tiền: 12.850.000đ (*Viết bằng chữ: Mười hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*)

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)	(<i>Đã ký</i>)

Nguồn: Phòng kế toán

Ví dụ 5: Ngày 30/12/2014, thanh toán vật tư, mua phin lọc dầu nhờn số lượng 10 cái, đơn giá 1.800.000đ/cái.

Biểu 2.13: Giấy đề nghị thanh toán, tạm ứng:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nan triệu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		
Địa chỉ:	<i>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</i>		
GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN			
<i>Kính gửi:</i> - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU			
Người đề nghị: Hoàng Văn Tân			
Bộ phận : xí nghiệp đóng tàu			
Lý do: thanh toán tiền vật tư			
.....			
.....			
.....			
Số tiền: 19.800.000đ			
Viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./			
.....			
Hải Phòng, Ngày 30 tháng 12 năm 2014			
Tổng giám đốc duyệt	Kế toán trưởng	KT xí nghiệp	Người đề nghị
(Đã ký, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: MV/13P

Ngày 30 tháng 12 năm 2014

Số: 0002026

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG MẠNH VŨ

Mã số thuế: 0201289261

Địa chỉ: Số 162 Trung Lực – P.Đằng Lâm – Q.Hải An – Hải Phòng

Điện thoại:

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Nam Triệu

Mã số thuế: 0200396207

Địa chỉ: 280 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Số tài khoản:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Phin lọc thô dầu nhờn	cái	10	1.800.000	18.000.000
Cộng tiền hàng:					18.000.000
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.800.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng./</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.15: Phiếu chi

Đơn vị: CÔNG TY TNHH
MTV NAM TRIỆU

PHIẾU CHI

Quyển số:

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ: : 280 Lạch Tray –Ngô
Quyền- HP

Ngày: 30/12/2014

Số: 501

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NỢ: 152,133

Mã số thuế: 0200396207

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: Hoàng Văn Tân

Địa chỉ: Xí nghiệp đóng tàu

Lý do chi: Thanh toán tiền vật tư

Số tiền: 19.800.000đ (*Viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm ngàn đồng
chẵn*)

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ví dụ 6: Ngày 11/12/2014, tạm ứng tiền sửa xe công an thành phố số tiền 150.000.000đ.

Biểu 2.16: Giấy đề nghị tạm ứng:

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Nan triệu	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		
Địa chỉ:	<i>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</i>		
GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG			
<i>Kính gửi:</i> - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU			
Người đề nghị: Nguyễn Văn Hải			
Bộ phận : xưởng sửa chữa oto.....			
Lý do:tạm ứng tiền sửa xe CATP			
.....			
.....			
.....			
Số tiền:150.000.000			
Viết bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn./			
.....			
Hải Phòng, Ngày 11 tháng 12 năm 2014			
Tổng giám đốc duyệt	Kế toán trưởng	KT xí nghiệp	Người đề nghị
(Đã ký, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Biểu 2.17: Phiếu chi

Đơn vị: CÔNG TY TNHH
MTV NAM TRIỆU

PHIẾU CHI

Quyển số:

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ: : 280 Lạch Tray –
Ngô Quyền- HP

Ngày: 11/12/2014

SỐ: 479

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NỢ: 141

Mã số thuế: 0200396207

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hải

Địa chỉ: Xưởng sửa chữa xe oto

Lý do chi: Tạm ứng tiền sửa xe Công an thành phố

Số tiền: 150.000.000đ (Viết bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Nguồn: Phòng kế toán

Ví dụ 7: Ngày 02/12/2014 nộp tiền vào tài khoản NHTMCP Công thương Lê Chân 500.000.000đ

Biểu 2.18 Phiếu chi

Đơn vị: CÔNG TY TNHH
MTV NAM TRIỆU

PHIẾU CHI

Quyển số:

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ: 280 Lạch Tray –
Ngô Quyền- HP.

Ngày: 02/12/2014

Số: PC477

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NỢ: 112

Mã số thuế: 0200396207

CÓ: 111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hương

Địa chỉ: Phòng TC – Kế toán

Lý do chi: Nộp tiền vào tài khoản

Số tiền: 500.000.000 VND (Viết bằng chữ: Năm trăm triệu VND)

Kèm theo ...chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Nguồn: Phòng kế toán

Biểu 2.19: Giấy nộp tiền.

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam  VietinBank®

Giấy nộp tiền
Cash deposit slip

Số (No) :0111..... Ngày (Date): 02 / 12 / 14

Liên 2 dành cho khách hàng (copy 2 depositer's copy)

Người nộp Depositer :NGUYEN THỊ HUONG.....

Địa chỉ Address:280 LACH TRAYVN.....

Số Tài khoản A/C number:1021-000020803-5 VND.....

Tên Tài khoản A/C name :CTY TNHH NAM TRIEU.....

Tại ngân hàng With bank : CHI NHANH LE CHAN.....

Số tiền bằng chữ Amount in words NAM TRAM TRIEU DONG
CHAN.....

Nội dung Remakrs
:.....

Số tiền bằng số (Amount in figures)

500.000.000

Người nộp tiền
Depositer

(Đã ký)

Chủ tài khoảnA/C Holder

(Đã ký)

Giao dịch viênTeller

(Đã ký)

Kiểm soát viên supervisor

(Đã ký)

**CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU
PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN**

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014
Tài khoản 1111- Tiền mặt
SỐ CTGS: 91

CHỨNG TỪ		Trích yếu	Số tiền Có 1111	CÁC TÀI KHOẢN GHI NỢ					
NGÀY	SỐ			112	131	133	141	152	331
								
2/12	PC477	Nộp tiền vào tài khoản	500.000.000	500.000.000					
								
11/12	PC479	TW tiền s/c xe CATP (xưởng sửa chữa oto)	150.000.000				150.00.000		
								
15/12	PC484	Nộp tiền vào tài khoản	30.000.000	30.000.000					
								
30/12	PC491	Ttoán tiền vật tư s/c tàu CATP Hải Phòng	12.850.000						12.850.000
30/12	PC496	Ttoán tiền tiếp khách	5.496.700			499.700			
								
31/12	PC 501	Ttoán tiền vật tư	19.800.000			1.800.000		18.000.000	
								
31/12	PC504	Thanh toán tiền vật tư	150.000					150.000	
								
Tổng cộng			8.737.505.001	1.030.000.000	47.603.500	60.612.827	722.200.000	499.791.559	1.387.666.270

KẾ TOÁN GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Tài khoản 1111- Tiền mặt

SỐ CTGS: 90

CHỨNG TỪ		Trích yếu	Số tiền Nợ 1111	CÁC TÀI KHOẢN GHI CỐ					
NGÀY	SỐ			131	333	338	511	112	711
								
11/12	PT299	Tiền biến lẻ CA Hưng Yên	3.643.400		331.219		3.312.181		
								
26/12	PT313	Tiền biến lẻ CA Quảng Ninh	6.599.200		599.929		5.999.271		
								
26/12	PT318	Tiền bán xăng A92	55.285.820		5.026.488		50.259.332		
26/12	PT320	Tiền biến số nhà (UBND phường Hưng Đạo)	6.000.000	6.000.000					
29/12	PT321	Tiền đầu xe v/c sét T11/2014	74.728.650	74.728.650					
								
31/12	PT331	Tiền bán xăng A92	17.504.520		1.591.316		15.913.204		
								
Tổng cộng			7.449.836.947	487.230.514	541.002.163	192.980.473	5.409.856.937	500.000.000	318.766.860

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số: S02a-DN

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ Tài Chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2014

SỐ CTGS: 90

Trích yếu	Tài khoản đối ứng		Số tiền	
	TK ghi nợ	TK ghi có	Nợ	Có
Thu các khoản nhập quỹ				
Tiền mặt	1111		7 449 836 947	
Tiền gửi ngân hàng		112		500 000 000
Phải thu của khách hàng		131		487 230 514
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		333		541 002 163
Phải trả, phải nộp khác		338		192 980 473
Doanh thu bán hàng		511		5 409 856 937
Thu nhập khác		711		318 766 860
Tổng cộng			7 449 836 947	7 449 836 947

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số: S02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2014

SỐ CTGS: 91

Trích yếu	Tài khoản đối ứng		Số tiền	
	TK ghi nợ	TK ghi có	Nợ	Có
Chi các khoản tiền mặt				
Tiền mặt		1111		8 737 505 001
Tiền gửi ngân hàng	112		1 030 000 000	
Phải thu của khách hàng	131		47 603 500	
Thuế GTGT được KT	133		60 612 827	
Các khoản phải thu khác	138		722 200 000	
Tạm ứng	141		499 791 559	
Nguyên liệu, vật liệu	152		20 139 091	
Phải trả cho người bán	331		1 387 666 270	
Phải trả công nhân viên	334		1 604 955 706	
Phải trả, phải nộp khác	338		582 589 800	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		5 600 000	
Lợi nhuận chưa phân phối	421		3 390 000	
Chi phí NVL trực tiếp	621		1 508 880 358	
Chi phí nhân công trực tiếp	622		14 382 000	
Chi phí sản xuất chung	627		1 150 205 928	
Chi phí bán hàng	641		925 000	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		98 562 962	
Tổng cộng			8 737 505 001	8 737 505 001

KẾ TOÁN GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

SỔ CÁI

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 111- Tiền mặt

Dư nợ đầu kỳ 4.648.981.903
Phát sinh nợ 7.449.836.947
Phát sinh có 8.737.505.001
Dư nợ cuối kỳ 3 361 313 849

Số CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS CÓ
				
31/12	90	Thu các khoản nhập quỹ	112	500 000 000	
31/12	90	Thu các khoản nhập quỹ	131	487 230 514	
31/12	90	Thu các khoản nhập quỹ	333	541 002 163	
31/12	90	Thu các khoản nhập quỹ	338	192 980 473	
31/12	90	Thu các khoản nhập quỹ	511	5 409 856 937	
31/12	90	Thu các khoản nhập quỹ	711	318 766 860	
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	112		1 030 000 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	131		47 603 500
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	133		60 612 827
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	138		722 200 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	141		499 791 559
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	152		20 139 091
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	331		1 387 666 270
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	334		1 604 955 706
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	338		582 589 800
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	353		5 600 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	421		3 390 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	621		1 508 880 358
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	622		14 382 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	627		1 150 205 928
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	641		925 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	642		98 562 962

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014

Dư nợ đầu kỳ 4.648.981.903
 Phát sinh nợ 7.449.836.947
 Phát sinh có 8.737.505.001
 Dư nợ cuối kỳ 3 361 313 849

SỐ CT			Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		Tồn quỹ
Ngày	Thu	Chi			Thu	Chi	
						
02/12		PC476	Ttoán tiền đi công tác Trà Vinh	627		1.560.000	4.961.702.775
02/12		PC477	Nộp tiền vào tài khoản	1121		500.000.000	4.461.702.775
						
11/12	PT299		Ttoán tiền biển lễ CA Hưng Yên	511 3331	3.312.181 331.219		4.415.429.640 4.415.760.859
11/12		PC479	TW tiền s/c xe CATP	141		150.000.000	4.265.760.859
						
15/12		PC484	Nộp tiền vào tài khoản	1122		30.000.000	3.607.408.019
						
26/12	PT318		Nộp tiền bán hàng A92	511 3331	50.259.332 5.026.488		3.819.856.921 3.824.883.409
						
26/12	PT320		Tiền biển số nhà	131	6.000.000		3.857.044.019
						
30/12		PC491	Ttoán tiền vật tư s/c tàu CATP Hải Phòng	331		12.850.000	3.821.743.669
						
31/12	PT331		Tiền bán xăng A92	511 3331	15.913.204 1.591.204		4.571.908.393 4.573.499.709
						
31/12		PC496	Ttoan tiền tiếp khách	627 133		4.997.000 499.700	3.363.802.819 3.363.303.119
						
31/12		PC501	Ttoán tiền vật tư	152 133		18.000.000 1.800.000	4.012.779.010 4.012.579.010
						
31/12		PC504	Mua vật tư nhập kho	152		150.000	3.361.313.849

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN GHI SỔ

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số: S02b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014.

CTGS		DIỄN GIẢI	TIỀN
SH	NGÀY		
90	31/12/2014	Thu các khoản nhập quỹ	7 449 836 947
91	31/12/2014	Chi các khoản tiền mặt	8 737 505 001
92	31/12/2014	Thu các khoản TGNH Lê Chân	26.822.567.509
93	31/12/2014	Thu các khoản TGNH quân đội	2.152.148.059
94	31/12/2014	Chi các khoản TGNH quân đội	2.047.003.520
95	31/12/2014	Chi các khoản TGNH Lê Chân	27.026.899.917
		
103	31/12/2014	Ghi tăng TSCĐ	14.328.399.565
104	31/12/2014	Giảm TSCĐ do thanh lý	92.380.942
105	31/12/2014	Trích KH TSCĐ	1.000.039.819
106	31/12/2014	K/c TK133 -> TK333	2.704.283.001
107	31/12/2014	Phải trả lương cán bộ CNV	1.801.763.912
108	31/12/2014	Trích BHXH,CD,TN.YT	380.787.932
109	31/12/2014	K/c CF -> TK154	17.545.690.286
110	31/12/2014	K/c TK154 -> TK632	15.512.349.257
111	31/12/2014	K/c TK511,711,515-> TK911	32.792.648.500
112	31/12/2014	K/c CF -> TK911	32.792.648.500
		
Tổng cộng			288 653 135 651

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng.

** Chứng từ sử dụng và sổ sách*

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi
- Phiếu báo giao dịch, Giấy báo lãi...
- Phiếu phân tích tài khoản ...
- Sổ sách sử dụng: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK

111, Sổ quỹ tiền mặt, ...

** Tài khoản sử dụng*

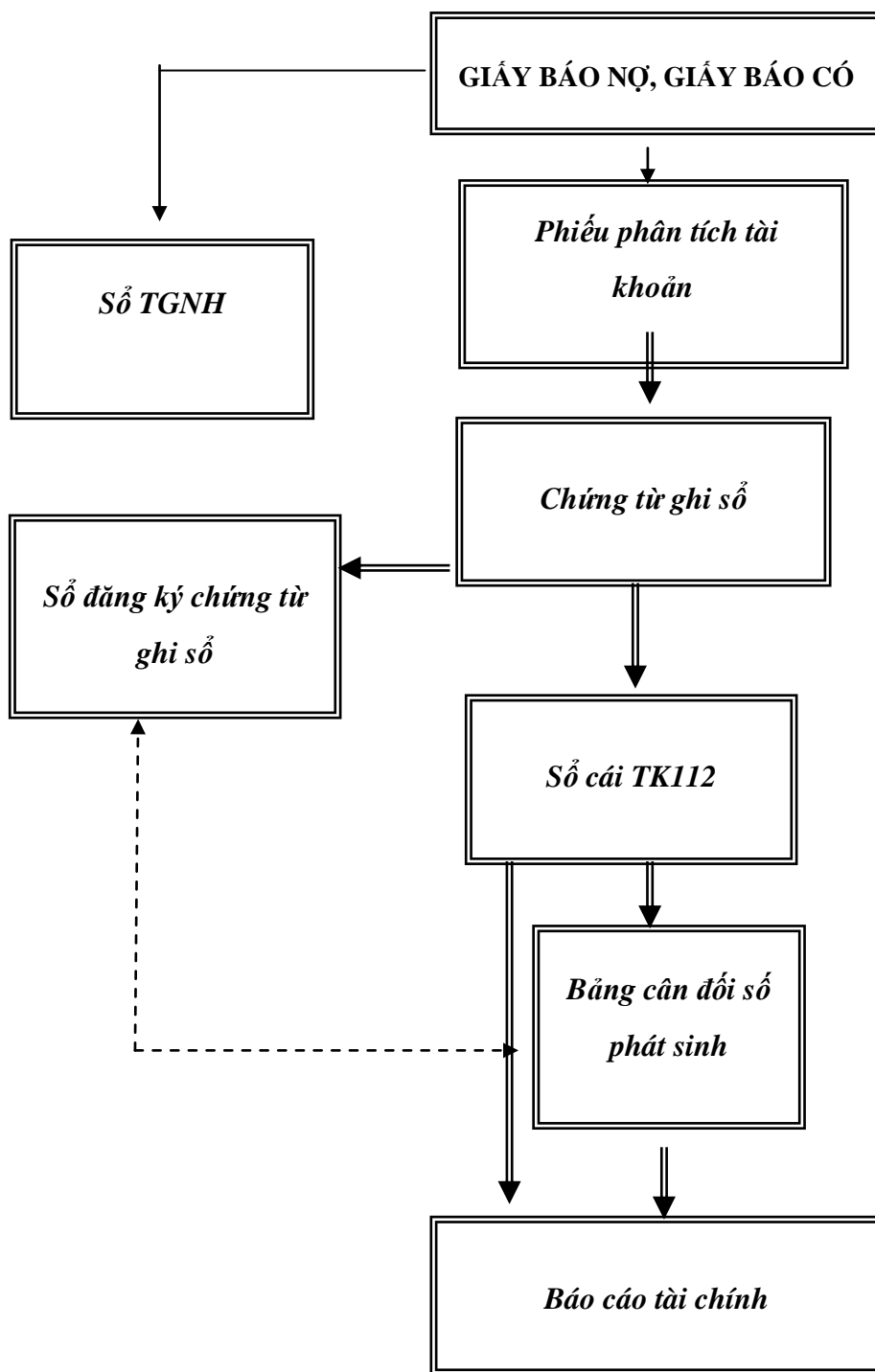
TK 112 – “Tiền gửi ngân hàng”

TK 1121- TGNH TMCP công thương Lê Chân

TK 1122 - TGNH TMCP Quân Đội

* *Trình tự hạch toán,*

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán tiền gửi ngân hàng:



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————→
 Ghi định kỳ = = = = = →
 Đối chiếu, kiểm tra < - - - - - >

Căn cứ vào Giấy báo có, Giấy báo nợ, Giấy báo lãi, Lệnh chi.... kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng đồng thời ghi vào Phiếu phân tích tài khoản. Sau đó căn cứ vào số liệu trên Phiếu phân tích tài khoản để ghi vào Chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ cái TK 112 và Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Căn cứ Sổ cái TK 112 ghi vào Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm từ Bảng Cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Một số nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng Công Thương trong quý IV/2014

Ví dụ 8 : Ngày 27/12/2014, Sở văn hóa TT và du lịch HP trả tiền mua xăng xe số tiền 18.738.000đ.

Biểu 2.20: Giấy chuyển tiền

NGAN HANG CONG THUONG VIET NAM RMI202PB

CHI NHANH 00160 CN HAI PHONG NHTMCP CONG THUONG
TM

NGAY 26/12/14

THOI GIAN 18:00:19

CHUYEN TIEN DEN

So Chuyen Tien : 164114122750097

Ngay Giao Dich : 27/12/14 14:47:45

Tinh Trang : Closer/Paid off

Ngay Tinh Trang : 27/12/2014

Ma San Pham : IL6 DEN TU IBPS

So Thu Tu : 000000097

Ngan Hang Gui Dien : 31701001 KHO BAC THANH PHO HAI PHONG

Ngan Hang Nhan Dien : 00164 CN LE CHAN-NHTMCP CONG THUONG VN

Ten Nguoi Chuyen : Van Phong So van Hoa Du Lich The Thao Va
Du Lich Hai Phong

Dia Chi :

Nguoi Thu Huong : CONG TY TNHH MTV Nam Trieu

Tai Khoan Nguoi Huong : 102010000205035

Dia Chi Nguoi Huong :

Loai Tien Te : VND

So Tien : 18,738,000

So Tien Bang Chu :

Muoi tam trieu bay tram ba muoi tam ngin dong chan ./.

Noi dung : 10000249-SO VAN HOA THUE TRA MUA XANG HD
2148

GIAO DICH VIEN

KIEM SOAT VIEN

★★★★End Of Report★★★★

Ví dụ 9: Ngày 31/12/2014 nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng công thương VN số tiền là 977.006

Biểu 2.21: Giấy báo lãi

<i>Date: 1/01/15</i>	<i>Brach:00164</i>	<i>DDI035P</i>
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM		
00164 CN LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG		
GIẤY BÁO LÃI		
(Từ ngày 1/12/2014 đến hết ngày 31/12/2014)		
Kính gửi: CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NAM TRIỆU		
Chúng tôi đã tính lãi đến cuối ngày 31/12/2014 tài khoản số: 102010000208035 mở tại ngân hàng chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:		
Lãi suất (% năm): 8	Số tiền lãi: 977.006 VND	
Ngân hàng: CN LÊ CHÂN- NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN		
Kính báo		

Một số nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng Công Thương trong quý IV/2014.

Ví dụ 10: Ngày 02/12/2014 trả tiền mua dầu nhờn, số tiền 148.839.000đ bằng chuyển khoản.

Kế toán ghi số: Nợ TK 331 148.839.000

 Có TK 112 148.839.000

Biểu 2.22: Lệnh chi

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam  VietinBank®

Lệnh Chi
Payment Order

Số (No) :173..... Ngày (Date): 02 / 12 / 14

Liên 2 dành cho khách hàng (copy 2 customer's copy)

Người trả tiền (Payer): Công ty TNHH MTV Nam Triệu.....

Tài khoản nợ (Debit A/C) : 102010000208035.....

Tại ngân hàng (With bank) : TMCP công thương VN-CN Lê Chân.....

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn tám triệu tám trăm ba chín nghìn đồng.....

Số tiền bằng số (Amount in figures)
148.839.000

Tên người nhận tiền (Payee) : Công ty TNHH Trang Thu.....

Tài khoản có (Credit A/C) : 56710599.....

Tại ngân hàng (With Bank) : ACB Hải Phòng.....

Nội dung (Remarks) : Trả tiền mua dầu nhờn.....

Người trả tiền Payer

Kế Toán Accountant

(Đã ký)

Chủ tài khoản A/C Holder

(Đã ký)

Ngày hạch toán Accounting date : 02 / 12 / 14

Giao dịch viên Teller

(Đã ký)

Kiểm soát viên supervisor

(Đã ký)

Ví dụ 11: Ngày 10/12/2014 nhận được phiếu báo giao dịch của ngân hàng công thương số tiền 3.899.334đ về lãi tiền vay phải trả.

Biểu 2.23: Phiếu báo giao dịch:

<i>Date: 11/12/2014</i>	<i>Brach:00164</i>	<i>DDI029P</i>				
<p>NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM</p> <p>CN LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG</p> <p>PHIẾU BÁO GIAO DỊCH CHUYỂN KHOẢN TỰ ĐỘNG (AFT)</p>						
Ký gửi lệnh : 164 CN LÊ CHÂN – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN.						
Ký nhận lệnh : 164 CN LÊ CHÂN – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN.						
Số giao dịch: DD2760						
Ngày giao dịch:10/12/2014						
Loại sản phẩm: 41TỰ ĐỘNG CHUYỂN SANG LN						
Tag 20: Số tham chiếu giao dịch : 29						
<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%;">Tag 32A : Số tiền:</td> <td style="width: 33%; text-align: center;">3.899.334</td> <td style="width: 33%;">Loại tiền: VND</td> </tr> </table>			Tag 32A : Số tiền:	3.899.334	Loại tiền: VND	
Tag 32A : Số tiền:	3.899.334	Loại tiền: VND				
Số tiền bằng chữ: Ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn ba trăm ba mươi bốn.						
Tag 50: K/hang chuyển tiền: CTY TNHH MTV NAM TRIỆU						
Tag 52A : NH ra lệnh:164 CN LÊ CHÂN – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN.						
Tag 57A : NH giu TK:164 CN LÊ CHÂN – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN.						
Tag 59: Người thụ hưởng: CTY TNHH MTV NAM TRIỆU						
Số tài khoản: 221110018094939.						
Tag 70: Nội dung thanh toán: lãi tiền vay						
Tag 71A : Phí chuyển tiền:						
<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">NH gửi lệnh ghi số ngày giờ</td> <td style="width: 50%;">NH nhận lệnh ghi số ngày giờ</td> </tr> <tr> <td>Giao dịch viên Kiểm soát viên</td> <td>Giao dịch viên Kiểm soát viên</td> </tr> </table>			NH gửi lệnh ghi số ngày giờ	NH nhận lệnh ghi số ngày giờ	Giao dịch viên Kiểm soát viên	Giao dịch viên Kiểm soát viên
NH gửi lệnh ghi số ngày giờ	NH nhận lệnh ghi số ngày giờ					
Giao dịch viên Kiểm soát viên	Giao dịch viên Kiểm soát viên					

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Tài khoản 1121- Tiền gửi NH TMCP công thương Lê Chân

SỐ CTGS: 92

CHỨNG TỪ		Trích yếu	Số tiền Nợ 1121	CÁC TÀI KHOẢN GHI CỐ			
NGÀY	SỐ			112	131	338	515
						
07/12	GBL	Lãi tiền gửi	3.750.000				3.750.000
						
16/12	LCTD	Cty thoát nước trả tiền dầu	13.428.000		13.428.000		
						
27/12	LCTD	Sở văn hóa trả tiền xăng xe	18.738.000		18.738.000		
						
30/12	LCTD	Trả tiền biên số xe (CA Hà Nam)	270.680.000		270.680.000		
						
31/12	GBL	Lãi tiền gửi	977.006				977.006
						
Tổng cộng			26.822.567.509	5.000.000.000	21.784.666.085	600.000	37.301.424

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Tài khoản 1121- Tiền gửi NH TMCP công thương Lê Chân

CHỨNG TỪ		Trích yếu	SỐ TIỀN CÓ 1121	CÁC TÀI KHOẢN GHI NỢ							
NGÀY	SỐ			112	131	133	333	144	635	331	...
										
01/12	LC171	Trả tiền thuê khai thác sét	390.385.831								390.385.831
										
02/12	LC173	Trả tiền mua dầu nhờn	148.839.000								148.839.000
										
10/12	PBGD	Lãi tiền vay	3.899.334						3.899.334		
										
30/12	PTDV4 730	Phí chuyển tiền	22.000			2.000					
										
31/12	LC189	Trả tiền mua xăng dầu	360.000.000								360.000.000
										
Tổng cộng			27.026.899.917	4.183.597.000	495.220.000	298.447.200	438.786.335	86.000.000	10.232.667	18.513.577.038	

KẾ TOÁN GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số: S02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2014

SỐ CTGS: 92

Trích yếu	Tài khoản đối ứng		Số tiền	
	TK ghi nợ	TK ghi có	Nợ	Có
Thu các khoản TGNH				
Tiền gửi Ngân hàng TMCP công thương Lê Chân	1121		26 822 567 509	
Tiền gửi ngân hàng		112		5 000 000 000
Phải thu khách hàng		131		21 784 666 085
Phải trả, phải nộp khác		338		600 000
Doanh thu hoạt động TC		515		37 301 424
Tổng cộng			26 822 567 509	26 822 567 509

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số: S02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2014

SỐ CTGS: 95

Trích yếu	Tài khoản đối ứng		Số tiền	
	TK ghi nợ	TK ghi có	Nợ	Có
Chi các khoản TGNH Lê Chân				
Tiền gửi ngân hàng TMCP CT Lê Chân		1121		27 026 899 917
Tiền gửi ngân hàng	112		4 183 597 000	
Phải thu của khách hàng	131		495 220 000	
Thuế GTGT được KT	133		298 447 200	
Thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	144		86 000 000	
Nguyên liệu, vật liệu	152		1 169 562 000	
Phải trả cho người bán	331		18 513 577 038	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	333		438 786 335	
Phải trả, phải nộp khác	338		1 052 036 212	
Chi phí NVL trực tiếp	621		720 740 440	
Chi phí sản xuất chung	627		19 208 850	
Chi phí sản tài chính	635		10 232 667	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		39 492 175	
Tổng cộng			27 026 899 917	27 026 899 917

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

SỔ CÁI

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 1121- Tiền gửi ngân hàng TMCP công thương Lê Chân

Dư nợ đầu kỳ 284 144 136
Phát sinh nợ 27 822 567 509
Phát sinh có 27 526 899 917
Dư nợ cuối kỳ 579 811 728

Số CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS CÓ
31/12	90	Thu các khoản nhập quỹ	1111		500 000 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	1111	1 000 000 000	
31/12	92	Thu các khoản TGNH	112	5 000 000 000	
31/12	92	Thu các khoản TGNH	131	21.784.666.085	
31/12	92	Thu các khoản TGNH	338	600 000	
31/12	92	Thu các khoản TGNH	515	37 301 424	
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	112		4 183 597 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	131		495 220 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	133		298 447 200
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	144		86 000 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	152		1 169 562 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	331		18 513 577 038
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	333		438 786 335
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	338		1 052 036 212
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	627		19 208 850
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	635		10 232 667
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	6428		39 492 175

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng TMCP quân đội trong quý IV/2014.

Ví dụ 14: Ngày 25/12/2014 nhận được phiếu báo lãi từ ngân hàng quân đội số tiền 70.313đ.



Biểu 2.24: Phiếu trả lãi tài khoản

PHIẾU TRẢ LÃI TÀI KHOẢN

Từ ngày: 26/11/2014 Đến ngày: 25/12/2014

Khách hàng: 1447026 – CTY TNHH MTV NAM TRIỆU

Tài khoản: 2571100085555

Nguyên tệ: VND

Ngày bắt đầu	Số ngày	Soo dư	Lãi suất	Thành tiền
26/11/2014	1	857,574,032	0.3	7,146
27/11/2014	7	308,104,501	0.3	17,973
04/12/2014	11	442,104,501	0.3	40,526
15/12/2014	8	4,117,173	0.3	274
23/12/2014	1	51,720,673	0.3	431
24/12/2014	1	188,193,673	0.3	1,568
25/12/2014	1	287,423,673	0.3	2,395
Tổng tiền:				70,313

Bằng chữ: Bảy mươi nghìn ba trăm mười ba đồng

TK trích nợ: PL50000

TK ghi có: 2571100085555

Ngày lập biểu: 26/12/2014

Lập biểu Kiểm soát

Nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng TMCP quân đội trong quý IV/2014.

Ví dụ 15: Ngày 15/12/2014, trả tiền mua dầu của công ty xăng dầu khu vực III số tiền 216.927.843đ.

Biểu 2.25: Ủy nhiệm chi:

ỦY NHIỆM CHI (PAYMENT ORDER)

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THỦ ĐIỆN



Liên: (Ship) 2 Số: (Ref no): 46

Ngày lập: (Date) 15/12/2014

Giờ giao nhận (Time):.....

ĐƠN VỊ CHUYỂN: Công ty TNHH MTV Nam Triệu
(APPLICANT).....

Số TK(A/C No) 257110008 5555

Tại (ATBANK) TMCP quân đội

ĐƠN VỊ HỖ ĐÓNG : Công ty xăng dầu khu vực III - TNHH MTV

(BENEFICIARY)

Số TK (A/C. No) 2087040004688

Tại (AI BANK) TMCP xăng dầu PETROLIMEX. Tỉnh/TP: CNHP

NỘI DUNG (DETAIL). Trả tiền xăng dầu

Số tiền bằng số (Amount in figures)										
2	1	6	9	2	7	8	4	3		
Số tiền bằng chữ: (Amount in words)										
Hai trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng										
Hình thức thanh toán phí (charges)										<input type="checkbox"/>
Người chuyển chịu (Charge included)										<input type="checkbox"/>
Người nhận chịu (charge excluded)										

Đơn vị trả tiền (Applicant)		Ngân hàng A (Bank A)			
Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi số ngày: 15/12/2014		Ghi số ngày (Settlement date):.....	
		Giao dịch viên	Kiểm soát	Giao dịch viên	Kiểm soát viên

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Tài khoản 1122- Tiền gửi NH TMCP quân đội

SỐ CTGS: 93

CHỨNG TỪ		Trích yếu	Số tiền Nợ 1122	CÁC TÀI KHOẢN GHI CỐ	
NGÀY	SỐ			131	515
				
04/12	LCC	Trả tiền biển số xe (CA Nam Định)	134.000.000	134.000.000	
				
24/12	LCC	Trả tiền biển số xe (CA Hưng Yên)	136.473.000	136.473.000	
				
25/12	PBL	Lãi tiền gửi	70.313		70.313
				
27/12	LCC	Trả tiền biển số xe (CA Kiến An - HP)	16.750.000	16.750.000	
29/12	LCC	Trả tiền biển số xe (CA Thủy Nguyên - HP)	67.000.000	67.000.000	
Tổng cộng			2.152.148.059	2 151 850 500	297 559

KẾ TOÁN GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2014 đến ngày 31/12/2014

Tài khoản 1122- Tiền gửi NH TMCP quân đội

SỐ CTGS: 94

CHỨNG TỪ		Trích yếu	Số tiền Có 1122	CÁC TÀI KHOẢN GHI CỐ				
NGÀY	SỐ			331	133	338	642	621
							
15/12	PBN	Phí chuyển tiền	71.586		6.508		65.078	
15/12	PBN	Phí chuyển tiền	82.799		7.527		75.272	
15/12	UNC46	Trả tiền mua dầu (Cty xăng dầu khu vực III)	216.927.843	216.927.843				
15/12	UNC47	Trả tiền mua dầu (Cty TNHH Dịch vụ Thương mại Đông Á)	250.905.100	250.905.100				
30/12	PBN	Phí chuyển tiền	62.359		5.669		56.690	
30/12	UNC48	Trả tiền mua máy tàu thủy HĐ số 02 (Cty TNHH dịch vụ kỹ thuật Liên Á)	188.967.202	188.967.202				
							
Tổng cộng			2.047.003.520	1.559.489.865	42.500.029	19.697.603	315.744	425.000.279

KẾ TOÁN GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số: S02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2014

SỐ CTGS: 94

Trích yếu	Tài khoản đối ứng		Số tiền	
	TK ghi nợ	TK ghi có	Nợ	Có
Chi các khoản TGNH quân đội				
Tiền gửi Ngân hàng TMCP quân đội		1122		2 047 003 520
Thuế GTGT được KT	133		42 500 029	
Phải trả cho người bán	331		1 559 489 865	
Phải trả, phải nộp khác	338		19 697 603	
Chi phí NVL trực tiếp	621		425 000 279	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		315 744	
Tổng cộng			2 047 003 520	2 047 003 520

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

Mẫu số: S02a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2014

SỐ CTGS: 93

Trích yếu	Tài khoản đối ứng		Số tiền	
	TK ghi nợ	TK ghi có	Nợ	Có
Thu các khoản TGNH quân đội				
Tiền gửi Ngân hàng TMCP quân đội	1122		2 152 148 059	
Phải thu khách hàng		131		2 151 850 500
Doanh thu hoạt động TC		515		297 559
Tổng cộng			2 152 148 059	2 152 148 059

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

SỔ CÁI

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 1122- Tiền gửi ngân hàng TMCP quân đội

Dư nợ đầu kỳ	47 069 796
Phát sinh nợ	2 182 148 059
Phát sinh có	2 047 003 520
Dư nợ cuối kỳ	182 214 335

Số CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	1111	30 000 000	
31/12	93	Thu các khoản TGNH quân đội	1311	2 151 850 500	
31/12	93	Thu các khoản TGNH quân đội	515	297 559	
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	1331		42 500 029
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	331		1 559 489 865
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	3384		19 697 603
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	6215		425 000 279
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	6428		315 744

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

SỔ CÁI

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 112- Tiền gửi ngân hàng

Đư nợ đầu kỳ	331 213 932
Phát sinh nợ	30 004 715 568
Phát sinh có	29 573 903 437
Đư nợ cuối kỳ	762.026.063

Số CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS CÓ
31/12	90	Thu các khoản tiền mặt	1111		500 000 000
31/12	91	Chi các khoản tiền mặt	1111	1 030 000 000	
31/12	92	Thu các khoản TGNH Lê Chân	112	5 000 000 000	
31/12	92	Thu các khoản TGNH Lê Chân	131	21 784 666 085	
31/12	92	Thu các khoản TGNH Lê Chân	338	600 000	
31/12	92	Thu các khoản TGNH Lê Chân	515	37 301 424	
31/12	93	Thu các khoản TGNH quân đội	131	2 151 850 500	
31/12	93	Thu các khoản TGNH quân đội	515	297 559	
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	133		42 500 029
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	331		1 559 489 865
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	338		19 697 603
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	621		425 000 279
31/12	94	Chi các khoản TGNH quân đội	642		315 744
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	112		4 183 597 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	131		495 220 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	133		298 447 200
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	144		86 000 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	152		1 169 562 000
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	331		18 513 577 038
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	333		438 786 335
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	338		1 052 036 212
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	621		720 740 440
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	627		19 208 850
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	635		10 232 667
31/12	95	Chi các khoản TGNH Lê Chân	642		39 492 175

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014

Tài khoản 1121- Tiền gửi Ngân hàng Công Thương Lê Chân

Dư nợ đầu kỳ 284 144 136
 Phát sinh nợ 27 822 567 509
 Phát sinh có 27 526 899 917
 Dư nợ cuối kỳ 579 811 728

SỐ CT			Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		Số dư
Ngày	Gửi	Rút			Gửi	Rút	
						
01/12		LC171	Trả tiền thuê khai thác sét	331		390.385.831	1.166.376.570
						
						
02/12	PC477		Nộp tiền vào tài khoản	1111	500.000.000		2.271.079.706
						
02/12		LC173	Trả tiền mua dầu nhớt	331		148.839.000	2.091.616.706
						
07/12	GBL		Lãi tiền gửi	515	3.750.000		1.846.893.193
						
10/12		PBGD	Lãi tiền vay	635		3.899.334	2.081.244.459
						
24/12	LCTD		Sở vãng hóa trả tiền xăng xe	1311	11.220.590		674.197.482
						
27/12	LCTD		SVH trả tiền mua xăng	1311	18.738.000		1.200.580.049
						
29/12		LC183	Trả tiền vận chuyển	331		491.665.354	5.082.054.743
						
31/12	GBL		Lãi tiền gửi	515	977.006		1.638.189.486
						
31/12		PTDV9 576	Phí chuyển tiền	6428		39.600	580.196.728
						
31/12		PTDV9 582	Phí chuyển tiền Thuế VAT KT	6428 1331		350.000 35.000	579.846.728 579.811.728

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày: 01/10/2014 đến ngày: 31/12/2014
 Tài khoản 1122- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Quân đội

Dư nợ đầu kỳ 47 069 796
 Phát sinh nợ 2 182 148 059
 Phát sinh có 2 047 003 520
 Dư nợ cuối kỳ 182 214 335

SỐ CT			Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền		Số dư
Ngày	Gửi	Rút			Gửi	Rút	
						
04/12	LCC		Trả tiền biển số xe (CA Nam Định)	131	134.000.000		442.104.411
						
15/12		PBN	Phí chuyển tiền	642		71.586	472.032.825
15/12		PBN	Phí chuyển tiền	642		82.799	471.950.026
15/12		UNC46	Trả tiền mua dầu(Cty xăng dầu khu vực III)	331		216.927.843	255.022.183
15/12		UNC47	Trả tiền mua dầu(Cty TNHH DV&TM Đông Á)	331		250.905.100	4.117.083
						
24/12	LCC		Trả tiền biển số xe (CA Hưng Yên)	131	136.473.000		188.193.583
						
25/12	PBL		Lãi tiền gửi	515	70.313		287.493.896
						
27/12	LCC		Trả tiền biển số xe (CA Kiên An -HP)	131	16.750.000		304.243.896
29/12	LCC		Trả tiền biển số xe (CA Thủy Nguyên -HP)	131	67.000.000		371.243.896
						
30/12		PBN	Phí chuyển tiền	642		62.359	371.181.537
30/12		UNC55	Trả tiền mua máy tàu HD số 02 (Cty TNHH Liên Á)	331		188.967.202	182.214.335

Ngày 31 tháng 12 năm 2014
 KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN GHI SỔ

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU.

3.1 Nhận xét chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu.

3.1.1: Kết quả đạt được:

Trong những năm qua công ty TNHH MTV Nam Triệu đã có nhiều cố gắng trong hoạt động SXKD. Mặc dù thị trường cạnh tranh gay gắt nhưng trong suốt 15 năm hoạt động công ty đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành công an cũng như ngân sách nhà nước.

Là một doanh nghiệp hoạt động công ích phục vụ lợi ích của quốc gia, hạch toán độc lập với quy mô lớn, công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất giúp Ban lãnh đạo công ty quản lý sản xuất kinh doanh dễ dàng hơn mang lại hiệu quả kinh tế cao. Song bên cạnh những yếu tố trên, tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích nhân viên phấn đấu đi lên. Công tác quản lý và hạch toán kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình SXKD.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Mỗi kế toán viên đều được phân công công việc rõ ràng tự chịu trách nhiệm về phần càn kế toán được giao nhưng tất cả đều chỉ đạo toàn diện tập trung thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra giám sát tình hình theo dõi chung. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lí thuyết và thực tế tại công ty.

Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền

Trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng. Nhờ nhận thức rõ điều này công ty đã có những biện pháp tốt trong công tác hạch toán cũng như tổ chức quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được bảo đảm tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính cập nhật và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động vốn bằng tiền.

- Về Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ: các thủ tục, chứng từ liên quan đến hạch toán vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra.

- Về sổ sách kế toán: Hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ” được áp dụng trong công tác kế toán hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm SXKD của công ty. Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi Tiền mặt (TK111), Tiền gửi ngân hàng (TK112) như: Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi Ngân hàng, Sổ cái TK111, 112.

- Về hạch toán kế toán: Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

+ Hạch toán tiền mặt: Việc lập Sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các Phiếu thu, Phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu với Sổ quỹ được nhanh chóng, thuận tiện dễ dàng, chính xác.

+ Hạch toán tiền gửi Ngân hàng: Việc lập Sổ tiền gửi Ngân hàng căn cứ vào Lệnh Chi, Ủy nhiệm chi, Phiếu báo giao dịch..... cũng giúp cho kế toán theo dõi, quản lý lượng tiền gửi được tốt hơn.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức kế toán vốn bằng tiền của Công ty TNHH MTV Nam Triệu vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

Về sổ sách kế toán sử dụng

Công ty chưa lập bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng nên gây khó khăn trong việc đối chiếu số liệu.

Về việc quản lý quỹ tiền mặt:

Hiện công ty chưa thường xuyên tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định số tiền tồn quỹ thực tế và số thừa so với quỹ. Trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch và thất thoát tiền, đưa ra những biện pháp quản lý quỹ tốt hơn và có hiệu quả cao.

Về vấn đề thanh toán lương:

Hiện nay công ty vẫn sử dụng hình thức thanh toán lương bằng tiền mặt. Việc này còn tồn tại một số hạn chế sau: cuối tháng là lúc khối lượng công việc của kế toán và thủ quỹ rất lớn. Việc thanh toán lương bằng tiền mặt sẽ mất nhiều thời gian, gây thêm áp lực công việc cho nhân viên kế toán, dễ dẫn đến sự nhầm lẫn sai sót.

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm tải được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm trong hạch toán nên nhà quản trị và các nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị không áp dụng phần mềm kế toán sẽ phải phân chia các bộ phận kế toán sao cho mỗi người phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.
- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ. Công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay. Đặc biệt lên Báo cáo tài chính rất vất vả. Việc kiểm tra và soát sai sót khó khăn vì từ thông tin tổng hợp muốn biết thông tin chi tiết phải qua rất nhiều khâu (lọc chứng từ, xem báo cáo...)

3.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công TNHH MTV Nam Triệu.**3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện:**

Căn cứ vào vai trò, chức năng, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền đồng thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền phải thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhưng cũng không phải rập khuôn máy móc theo đúng chế độ mà phải vận dụng sáng tạo.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho hiệu quả nhất.

- Hoàn thiện phải cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu nhà quản lý.

- Hoàn thiện phải hướng tới vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế và quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phải chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của công ty.

3.2.2: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Nam Triệu.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, sau khi đã tìm hiểu về các phần hành kế toán nói chung và đi sâu vào tìm hiểu về phần hành kế toán vốn bằng tiền nói riêng, em nhận thấy còn một số hạn chế cần được hoàn thiện để nâng cao hiệu quả công tác kế toán như sau:

Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng

Kế toán nên lập bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng để thuận tiện cho việc đối chiếu số liệu với Sổ Cái TK112. Em xin lập bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng cho công ty như sau:

CÔNG TY TNHH MTV NAM TRIỆU

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

S T T	Tên ngân hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Ngân hàng Công Thương Lê Chân	284 144 136		27 822 567 509	27 526 899 917	579 811 728	
2	Ngân hàng TMCP Quân đội	47 069 796		2 182 148 059	2 047 003 520	182 214 335	
	Cộng	331.213.932		30.004.715.568	29.573.903.437	762.026.063	

Giải pháp về việc quản lý quỹ tiền mặt:

Công ty cần phải tiến hành việc kiểm kê quỹ định kỳ vào ngày cuối tháng hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Việc kiểm kê quỹ như vậy có ưu điểm: giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được số tiền tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ để có biện pháp tăng cường quản lý quỹ tốt hơn.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ trong đó thủ quỹ và kế toán là các thành viên, phải ghi rõ và thời điểm kê (giờ...ngày...tháng...năm). Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê quỹ.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, nếu có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân thừa thiếu vào báo cáo giám đốc doanh nghiệp xem xét giải quyết.

Công ty nên sử dụng bảng kiểm kê quỹ như sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số:08a-TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

Số:.....

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán

- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ

- Ông/Bà:.....đại diện

.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ:	x
II	Số kiểm kê thực tế:	x
1	Trong đó: - Loại		
2	- Loại		
3	- Loại		
4	- Loại		
5	- ...		
III	Chênh lệch (III=I-II):	x	

- Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê

(Ký, họ tên)

Giải pháp về việc thanh toán lương:

Công ty nên trả lương cho nhân viên bằng thẻ ATM. Hình thức thanh toán này khắc phục được những hạn chế của việc thanh toán bằng tiền mặt. Đối với công nhân viên sẽ thuận tiện hơn trong việc lĩnh lương và quan trọng hơn giảm bớt công việc cho thủ quỹ vào ngày thanh toán lương.

Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán:

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

-Tốn ít thời gian: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác in ra.

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất doanh nghiệp gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ ban đầu.

- Dễ sử dụng: Hầu hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình vào nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng.

- Phát triển theo công ty: Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của Công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, người dùng hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Bên cạnh đó việc sử dụng phần mềm còn giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý cũng như kế toán của doanh nghiệp. Cụ thể:

-Đối với ban quản lý:

+ Nhận được các thông tin thời từ hoạt động của Công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.

+ Có được câu trả lời nhanh nhất từ bộ phận kế toán về câu hỏi liên quan đến quá trình kinh doanh.

+ Tiết kiệm thời gian quản lý tài chính cho ban lãnh đạo ít nhất 50%.

+ Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.

+ Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin dựa trên cơ sở dữ liệu tài chính của Công ty.

+ Ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động. Từ đó có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan đến báo các thông tin cần thiết một cách chính xác.

-Đối với bộ phận kế toán tài chính:

+ Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.

+ Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.

+ Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của Ban lãnh đạo.

+ Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của Ban lãnh đạo liên quan đến các con số: doanh thu, chi phí, lãi lỗ, tiền tại quỹ và ngân hàng, công nợ....

+ Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng....

-Đối với các bộ phận khác: Quan hệ giữa các phòng ban trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban tránh công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán, Công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với Công ty mình. Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay.

-Phần mềm kế toán MISA: Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị. Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập. Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu. Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn. Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

-Phần mềm kế toán SAS INOVA: Chỉ cần nhập số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, SXKD đặc biệt: Định khoản tự động, quá trình hóa công tác kế toán, tự động tạo phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập, phiếu xuất.

-Phần mềm kế toán FAST:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý rất nhanh.

- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

- Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.

- Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác

+ Fast accounting (phiên bản 10.10): mang nhiều tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu...

+ Fast Business (phiên bản 3.1): Được viết trên ngôn ngữ lập trình VB.NET mục tiêu là doanh nghiệp lớn. Đây là giải pháp quản trị toàn diện với 5 module: tài chính kế toán, quản lý phân phối, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự và quản lý mối quan hệ khách hàng.

+ Fast Financial (Phiên bản 3.1): là dòng sản phẩm trung gian giữa Fast accounting và Fast Business, hướng tới doanh nghiệp vừa và lớn, tính năng của phần mềm: cơ sở dữ liệu có sức chứa lớn, khả năng phân quyền và bảo mật rất cao, kết nối online tốt, tính năng quản trị mạnh, thích hợp với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, nhà máy, đơn vị bán hàng.

KẾT LUẬN

Việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn. Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu, em đã được tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty và đặc biệt là phòng tài chính kế toán đã tạo điều kiện để em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tiễn. Khóa luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Công ty TNHH MTV Nam Triệu” đã đề cập đến những vấn đề cơ bản sau: Về mặt lý luận: Đề ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp. Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Công ty TNHH MTV Nam Triệu với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2014. Đồng thời khóa luận cũng đề ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty. Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại Công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán trong Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo Trần Thị Thanh Phương đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2015

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp
Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính-Nhà xuất bản Tài chính.
2. Luận văn khóa 13,14.
3. Website: Webketoan.com
Website: Webtapchiketoan.com
4. GS.TS Đặng Thị Loan, 2009 Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
5. Tài liệu thực tế tại Công ty TNHH MTV Nam Triệu.